

**BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC
TÂY NINH KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG
TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ
THAM DỰ ĐẤU GIÁ.**

-----o0o-----

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH



TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ :



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (08) 3821 7713 *Fax:* (08) 3821 7452

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH :



CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH

Địa chỉ: Số 489 đường 30-4, Phường 1, Tp. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: (066) 3822 240 *Fax:* (066) 3821 547

TỔ CHỨC TƯ VẤN :



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN BETA

Trụ sở chính: Tầng 4&5, Tòa nhà Beta, 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (08) 3914 2929 *Fax:* (08) 3914 3435

Mục Lục

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU	4
1. Tổ chức phát hành	4
2. Cổ phần bán đấu giá	4
3. Công bố thông tin về tổ chức đăng ký mua cổ phần	4
II. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	5
III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN	6
1. Đại diện ban chỉ đạo cổ phần hóa	6
2. Đại diện công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh	6
3. Đại diện tổ chức tư vấn - Công ty CP chứng khoán Beta	6
IV. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	7
V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN	8
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	8
2. Các thành tựu quan trọng	8
3. Ngành nghề kinh doanh	9
4. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý điều hành	9
5. Các đơn vị trực thuộc	17
6. Thực trạng lao động	17
VI. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY	18
1. Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa	18
2. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm 2014	20
3. Trình độ công nghệ	22
VII. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.	29
1. Tổng giá trị tài sản của Công ty	29
2. Phân theo cơ cấu tài sản	30
3. Phân theo nguồn vốn	31
VIII. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA	32
1. Thông tin về doanh nghiệp sau cổ phần hóa	32
2. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của Công ty sau cổ phần hóa	35
3. Phương án sử dụng đất	40

4. Các giải pháp thực hiện	40
IX. PHƯƠNG ÁN VÀ CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG	47
X. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ	48
1. Vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ	48
2. Cơ cấu sở hữu dự kiến trong công ty cổ phần như sau	48
3. Trình tự chào bán	48
4. Loại cổ phần và phương thức phát hành	48
5. Rủi ro dự kiến của đợt chào bán	53
XI. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA	54
1. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa	54
2. Dự toán chi tiết chi phí cổ phần hóa.	55
XII. CAM KẾT	56

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

1. Tổ chức phát hành

- Tên Công ty: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh
- Địa chỉ: Số 489 đường 30-4, Phường 1, Tp. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Điện thoại: (066) 3822 240
- Fax: (066) 3821 547
- Vốn điều lệ: 105.768.270.000 đồng.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ phần: 10.576.827 cổ phần

Trong đó:

- *Cổ phần chào bán công khai ra bên ngoài* : 2.412.027 cổ phần, chiếm 22,81%VĐL
- *Cổ phần bán cho người lao động theo thâm niên công tác* : 169.300 cổ phần, chiếm 1,60%VĐL
- *Cổ phần chào bán cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài* : 95.500 cổ phần, chiếm 0,90% VĐL
- *Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược* : 2.400.000 cổ phần, chiếm 22,69% VĐL

2. Cổ phần bán đấu giá

- *Số lượng cổ phần chào bán đấu giá* : 2.412.027 cổ phần, chiếm 22,81%VĐL
- *Loại cổ phần chào bán* : *Cổ phần phổ thông*
- *Hình thức phát hành* : *Bán cổ phần phát hành lần đầu của Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước ra công chúng theo phương thức đấu giá qua tổ chức trung gian*
- *Giá khởi điểm bán đấu giá* : 10.000 đồng/cổ phần

3. Công bố thông tin về tổ chức đăng ký mua cổ phần

Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin, nhận đăng ký tham gia đấu giá, nhận tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá, nhận phiếu tham dự đấu giá: Theo quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng Công ty Cấp thoát nước Tây Ninh do Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM ban hành.

II. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 sửa đổi Nghị định 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 07 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
- Thông tư số 106/2008/TT-BTC ngày 17/11/2008 của Bộ tài chính hướng dẫn kê toán khi chuyển đổi DNNN 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc triển khai cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh;
- Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh Tây Ninh, Thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp thoát nước Tây Ninh;
- Quyết định số 265/QĐ-BCĐ ngày 06/11/2014 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh;
- Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 24/9/2015 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh;
- Căn cứ Hợp đồng số 006.03/2015/HĐTV/CTNTN-BETA-CPA tháng 3 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta với Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh về dịch vụ tư vấn cổ phần hóa;
- Căn cứ Quyết định số 2558/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh thành Công ty cổ phần.

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Đại diện ban chỉ đạo cổ phần hóa

- Ông Nguyễn Văn Đức *Chức vụ: Trưởng ban*

Bản công bố thông tin này do Doanh nghiệp cổ phần hoá và Tổ chức tư vấn lập đã được Ban chỉ đạo cổ phần hoá thông qua.

2. Đại diện công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh

- Ông Trịnh Thành Nghiêm *Chức vụ: Giám đốc Công ty*
- Ông Trương Thị Bích Thảo *Chức vụ: Kế toán trưởng*

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty.

3. Đại diện tổ chức tư vấn - Công ty CP chứng khoán Beta

- Ông Nguyễn Đăng Khoa *Chức vụ: Giám đốc Khối NHĐT*

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh cung cấp.

IV. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CCDC	: Công cụ dụng cụ
CNVC	: Công nhân viên chức
DN	: Doanh nghiệp
GTGT	: Giá trị gia tăng
KVNN	: Khu vực nhà nước
MTV	: Một thành viên
NĐT	: Nhà đầu tư
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QLDA	: Quản lý dự án
TNDN	: Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	: Tài sản cố định
TSLĐ	: Tài sản lưu động
UBND	: Ủy ban nhân dân
VAT	: Giá trị gia tăng
VĐL	: Vốn điều lệ
XDCB	: Xây dựng cơ bản

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh trước 30/4/1975 là Trung tâm Cấp thủy Tây Ninh trực thuộc Quốc gia sản Cấp thủy cục Sài Gòn. Sau giải phóng đổi tên thành Xí nghiệp cấp nước trực thuộc Sở Xây dựng Tây Ninh. Năm 1998 đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước Tây Ninh theo Quyết định số 95/QĐ-CT ngày 24/9/1998 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh, là một doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích theo Quyết định số 28/QĐ-CT ngày 22/03/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh. Ngày 01/3/2006 Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Tây Ninh theo Quyết định số 19/QĐ-UBND, hoạt động theo luật Doanh nghiệp.

Trước năm 1994 Công ty chỉ khai thác nước ngầm tại các trạm bơm giếng với công suất 50-60m³/h/giếng, tổng công suất phát ra khoảng 6.000 m³/ngày. Năm 1994 Nhà máy nước Tây Ninh công suất 7.000 m³/ngày đi vào hoạt động. Nguồn nước khai thác lấy từ hồ Dầu Tiếng Tây Ninh. Năm 2010 với nguồn vốn vay ADB nâng công suất Nhà máy nước Tây Ninh lên 18.000 m³/ngày, cùng với các trạm khai thác nước ngầm tại các trung tâm huyện Gò Dầu, Trảng Bàng, Bến Cầu và Châu Thành, nâng tổng công suất thiết kế của toàn Công ty lên 25.000 m³/ngày đêm.

Từ năm 2006 đến nay, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh là một doanh nghiệp nhà nước trực thuộc UBND tỉnh Tây Ninh hoạt động theo Luật doanh nghiệp

Toàn tỉnh có 6/9 huyện thị thành phố có hệ thống cấp nước đô thị, trong đó thành phố Tây Ninh đưa vào vận hành khai thác nhà máy công suất 18.000 m³/ngày (nâng công suất từ 7.000 lên 18.000 m³/ngày). Tỷ lệ thất thoát nước năm 2006 là 30,98% đến năm 2014 còn 23,25%. Mật độ bao phủ năm 2006 là 38,22% đến năm 2014 là 68,31%. Hiện nay Công ty quản lý hơn 23.000 khách hàng. Ngoài việc tăng khả năng cung cấp nước Công ty còn tiến hành công tác cải tạo mạng lưới hiện hữu và đầu tư mở rộng mạng lưới mới, tổng chiều dài mạng lưới thuộc Công ty quản lý khoảng 371km bao gồm các loại ống truyền tải, phân phối D400; D300; D250; D150; D100 và các loại ống <= D100. Bên cạnh đó Công ty không ngừng cải thiện chất lượng nước và tăng tính phục vụ bằng cách đầu tư toàn bộ lắp đặt đồng hồ nước cho khách hàng.

2. Các thành tựu quan trọng

Công ty đóng vai trò chủ lực trong việc thực hiện cấp nước đô thị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, hiện đang có 6/9 huyện thành phố và khu công nghiệp Trảng Bàng có hệ thống cấp nước, trong đó thành phố Tây Ninh vận hành khai thác nhà máy nước công suất 18.000 m³/ngày đêm. Tổng công suất khai thác toàn Công ty khoảng 21.500 m³/ngày đêm. Ngoài việc tăng khả năng cung cấp nước Công ty còn tiến hành công tác cải thiện mạng lưới cấp nước hiện hữu và đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước những khu vực đông dân cư. Tổng chiều dài mạng lưới thuộc Công ty quản lý gần 371 km bao

gồm các loại ống truyền tải, phân phối D400; D300; D250; D200; D150; D100 và các loại ống PVC; HDPE D60. Bên cạnh đó Công ty không ngừng cải thiện chất lượng nước và tăng tính phục vụ, dịch vụ cho khách hàng.

Qua quá trình phát triển đơn vị đạt được một số thành tựu quan trọng tạo tiền đề cho bước phát triển mới trong những năm tiếp theo như: Cấp nước phục vụ sinh hoạt ổn định, liên tục với áp lực tốt nhất, chất lượng nước cấp đạt tiêu chuẩn 01/2009/BYT/QĐ ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế. Tỷ lệ thất thoát nước năm 2006 là 30,98% được kéo giảm xuống còn năm 2014 còn 23,25%. Năm 2014 với số lượng khách hàng là 22.032. Hiện nay Công ty quản lý khoảng hơn 23.000 khách hàng, mật độ bao phủ chiếm 68,31% dân số đô thị được cấp nước. Thu nhập bình quân của người lao động trong đơn vị 6.789.000 đồng/người/tháng. Doanh thu nước đạt 39,911 tỷ đồng/năm”.

3. Ngành nghề kinh doanh

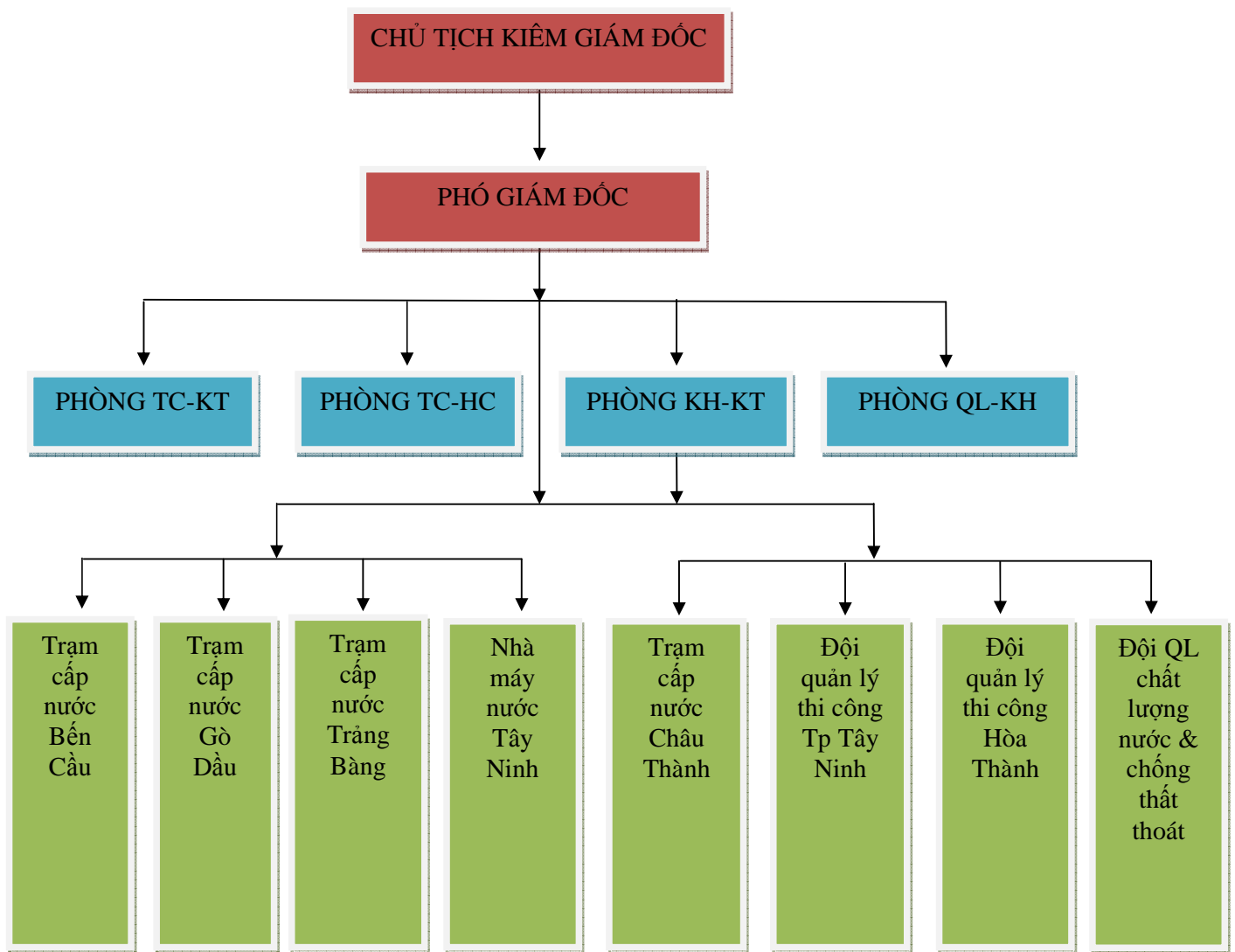
Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3900243762 đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 23/4/2014, với định hướng và mục tiêu hoạt động nhằm phục vụ con người và xã hội. Công ty hoạt động cung ứng dịch vụ với chức năng cụ thể như sau:

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Sản xuất kinh doanh nước tinh khiết;
- Lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư, thiết kế, giám sát và xây dựng các công trình cấp thoát nước trong và ngoài tỉnh;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, nhựa, chuyên ngành cấp thoát nước;
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành cấp, thoát nước;
- Xây dựng: các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
- Quản lý thoát nước và vệ sinh môi trường

4. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý điều hành

Sơ đồ tổ chức bộ máy

(Xem trang tiếp theo)



Cơ cấu tổ chức gồm:

Các Phòng ban trong Công ty

1. Phòng Tổ chức hành chính
2. Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật
3. Phòng Tài chính - Kế toán
4. Phòng Quản lý khách hàng

Các Nhà máy, Trạm Cấp nước, Đội quản lý thi công trực thuộc Công ty:

1. Nhà máy nước Tây Ninh
2. Trạm cấp nước Gò Dầu
3. Trạm Cấp nước Trảng Bàng
4. Trạm Cấp nước Bến Cầu
5. Trạm Cấp nước Châu Thành

-
6. Đội quản lý thi công thành phố Tây Ninh
 7. Đội quản lý thi công Hòa Thành
 8. Đội quản lý chất lượng nước và chống thất thoát

Cụ thể chức năng nhiệm vụ các phòng ban trong Công ty như sau:

4.1 Phòng Tổ chức hành chính

Tham mưu giúp việc Ban Giám đốc Công ty quản lý, điều hành công tác tổ chức, nhân sự, đào tạo, lao động tiền lương, hành chính quản trị, công tác thi đua khen thưởng, an toàn lao động, công tác bảo vệ và quân sự của Công ty. Đảm bảo điều kiện cần thiết cho các hoạt động của bộ máy điều hành Công ty.

4.2 Phòng Kế hoạch kỹ thuật

Tham mưu giúp việc Ban Giám đốc Công ty quản lý kinh tế, kế hoạch sản xuất, kỹ thuật cấp nước, chống thất thoát nước, vệ sinh môi trường và những công tác khác liên quan đến giám sát, tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật, định mức vật tư nguyên nhiên vật liệu và chất lượng công trình theo đúng quy định về quản lý chất lượng công trình do Bộ xây dựng ban hành.

Nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, biện pháp thi công xây lắp, quản lý chất lượng nước, kiểm định đồng hồ đo nước và quy cách chất lượng vật tư hàng hóa trước khi nhập kho.

Nghiên cứu, áp dụng và lưu trữ các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác thuộc lĩnh vực xây dựng cơ bản và công tác thuộc phòng kế hoạch, kỹ thuật quản lý.

Quản lý các bộ phận trực thuộc bao gồm: sản xuất, thi công, sửa chữa, ghi thu.

4.3 Phòng Quản lý khách hàng

Tham mưu giúp việc Ban Giám đốc Công ty trong công tác kinh doanh, tổng hợp số liệu chuẩn thu, thực thu phát hành hóa đơn thu tiền nước, giải quyết các vấn đề liên quan đến việc tiêu thụ nước và quan hệ khách hàng.

Nghiên cứu, lưu trữ các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác kinh doanh dịch vụ và quản lý khách hàng.

4.4 Phòng Tài chính kế toán

Thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật, bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu nhằm khai thác, huy động và sử dụng nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhất. Theo dõi, giám sát quản lý vốn đầu tư tại Công ty.

Một số nhiệm vụ cụ thể:

Xây dựng kế hoạch huy động nguồn vốn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Xây dựng kế hoạch thu chi tài chính hàng tháng, quý và năm của Công ty.

Thực hiện thu, chi đúng quy định (có chứng từ hợp lệ, hóa đơn tài chính).

Quản lý tồn quỹ đúng quy định (nghiêm cấm việc cho mượn quỹ). Hàng tháng phải kiểm kê đối chiếu tồn quỹ.

Lập báo cáo và quyết toán các loại thuế của Công ty (bao gồm cả thuế TNCN của CB-CNV Công ty) với cơ quan thuế, kiểm tra và nộp thuế đúng quy định của Nhà nước.

Chủ trì xử lý các khoản nợ khó thu, nợ xấu... theo dõi công tác chống thất thu.

Bảo quản chứng từ, lưu giữ theo quy định của Nhà nước.

Hàng tháng báo cáo tình hình thu chi và báo cáo kế hoạch thanh khoản trình Chủ tịch, Giám đốc và Kiểm soát viên Công ty.

Soạn thảo các quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ tài chính kế toán.

Nhận định, phân tích và đánh giá các hoạt động tài chính. Đề xuất các giải pháp về quản lý tài chính. Tham mưu định hướng phát triển, bảo toàn và phát huy hiệu quả nguồn vốn của Chủ sở hữu và đảm bảo SXKD có lợi nhuận cao. Phát hiện những lãng phí, thiệt hại đã xảy ra để có biện pháp khắc phục.

Quan hệ tốt với các cơ quan quản lý Nhà nước. Thực hiện các quy định về công nợ, xử lý mất mát, hư hỏng, thiếu hụt tài sản, quản lý tiền mặt.

Trực tiếp làm việc và cung cấp hồ sơ có liên quan cho cơ quan chức năng (kiểm toán, thuế, thanh tra...) khi có yêu cầu.

Lập báo cáo tài chính theo quy định, riêng báo cáo tài chính năm phải kết thúc đầu tháng ba hằng năm.

Duy trì hệ thống kế toán đảm bảo tính chính xác của báo cáo tài chính.

Thực hiện các công việc khác thuộc chức năng nhiệm vụ của Phòng hoặc các công tác khác do Chủ tịch, Ban Giám đốc trực tiếp phân công.

Cụ thể chức năng nhiệm vụ Nhà máy, Trạm Cấp nước, Đội quản lý thi công trực thuộc Công ty như sau:

4.5 Nhà máy nước Tây Ninh (khai thác nước mặt)

Địa chỉ: đường Bời Lời, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Ngày thành lập: Nhà máy nước Tây Ninh được xây dựng và đưa vào sử dụng năm 1994, công suất thiết kế 7000 m³/ngày đêm. Năm 2004 nhà máy được nâng cấp lên 18.000 m³/ngày đêm và đưa vào sử dụng năm 2010.

Chức năng:

Nhà máy nước Tây Ninh là đơn vị trực tiếp sản xuất, trực thuộc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh, có các chức năng sau đây:

Tổ chức khai thác và xử lý nguồn nước thô lấy từ Hồ Dầu Tiếng đạt tiêu chuẩn chất lượng quy định;

Cung cấp nước sạch an toàn liên tục đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, ăn uống và các dịch vụ sản xuất trên địa bàn thành phố Tây Ninh, thị trấn Hòa Thành, Châu Thành và các vùng tiếp giáp của huyện Hòa Thành và huyện Châu Thành với thành phố Tây Ninh.

Nhiệm vụ:

Tổ chức xử lý và cung cấp nước sạch an toàn, liên tục theo đúng kế hoạch, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

Thực hiện tốt quy trình kiểm soát chất lượng nước, sử dụng hóa chất, điện và các loại vật tư đảm bảo hiệu quả trên tinh thần tiết kiệm hợp lý.

Thực hiện các biện pháp quản lý bảo vệ nguồn nước, các nguồn ô nhiễm, xác định ranh giới, lắp đặt biển báo, tổ chức bảo vệ an toàn nguồn nước.

Tổ chức bảo vệ Nhà máy, các tuyến ống, tài sản được phân cấp quản lý và thực hiện tốt các phương án phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và tài sản.

Lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, dự phòng máy móc thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố, rủi ro, tham gia nghiên cứu, cải tiến kỹ thuật trong công tác vận hành, quản lý phục vụ sản xuất nước.

Tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý lao động, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lực của Nhà máy theo sự phân cấp của Công ty, đáp ứng nhu cầu phát triển, tự động hóa và hiện đại hóa.

4.6 Trạm Cấp nước Gò Dầu

Địa chỉ: 276 đường QL22B nội ô thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Công suất: thiết kế 2.500 m³/ngày đêm, khai thác nước ngầm. Hiện tại có 3 nhà máy: Rạch Sơn, Nhà văn hóa và Lò gạch.

Chức năng, nhiệm vụ:

Tổ chức sản xuất và cung cấp nước sạch cho trung tâm thị trấn huyện Gò Dầu và vùng phụ cận đạt hiệu quả chất lượng nước theo tiêu chuẩn quy định, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

Tổ chức thực hiện tốt công tác bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự trong phạm vi nhà máy, bảo quản tốt tài sản Công ty giao.

Khai thác và quản lý sản lượng nước đạt và vượt chỉ tiêu Công ty giao.

Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện tốt công tác quản lý khách hàng, các dịch vụ cấp nước, chăm sóc và phát triển khách hàng; tổ chức giải quyết thỏa đáng và kịp thời các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.

Quản lý, kiểm soát tốt quy chế ghi thu tiền nước.

Tổ chức quản lý hiệu quả địa bàn cấp nước; quan hệ tốt với địa phương, các ngành chức năng nhằm tạo thuận lợi giải quyết công việc.

Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo Công ty giao.

4.7 Trạm Cấp nước Trảng Bàng

Địa chỉ: Khu phố thương mại Trảng Bàng, đường QL22A thị trấn Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Công suất: thiết kế 3.000 m³/ngày đêm, khai thác nước ngầm. Hiện tại có 3 nhà máy: Khu công nghiệp Trảng Bàng, Giếng mạch và Sân Vận động.

Chức năng, nhiệm vụ:

Tổ chức sản xuất và cung cấp nước sạch cho trung tâm thị trấn huyện Trảng Bàng và vùng phụ cận đạt hiệu quả chất lượng nước theo tiêu chuẩn quy định, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

Tổ chức thực hiện tốt công tác bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự trong phạm vi nhà máy, bảo quản tốt tài sản Công ty giao.

Khai thác và quản lý sản lượng nước đạt và vượt chỉ tiêu Công ty giao.

Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện tốt công tác quản lý khách hàng, các dịch vụ cấp nước, chăm sóc và phát triển khách hàng; tổ chức giải quyết thỏa đáng và kịp thời các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.

Quản lý, kiểm soát tốt quy chế ghi thu tiền nước.

Tổ chức quản lý hiệu quả địa bàn cấp nước; quan hệ tốt với địa phương, các ngành chức năng nhằm tạo thuận lợi giải quyết công việc.

Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo Công ty giao.

4.8 Trạm Cấp nước Bến Cầu

Địa chỉ: Cầu Địa Xù, đường 786 thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh;

Công suất: thiết kế 2.000 m³/ngày đêm, khai thác nước ngầm;

Chức năng, nhiệm vụ:

Tổ chức sản xuất và cung cấp nước sạch cho trung tâm thị trấn huyện Bến Cầu và vùng phụ cận đạt hiệu quả chất lượng nước theo tiêu chuẩn quy định, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

Tổ chức thực hiện tốt công tác bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự trong phạm vi nhà máy, bảo quản tốt tài sản Công ty giao.

Khai thác và quản lý sản lượng nước đạt và vượt chỉ tiêu Công ty giao.

Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện tốt công tác quản lý khách hàng, các dịch vụ cấp nước, chăm sóc và phát triển khách hàng; tổ chức giải quyết thỏa đáng và kịp thời các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.

Quản lý, kiểm soát tốt quy chế ghi thu tiền nước.

Tổ chức quản lý hiệu quả địa bàn cấp nước; quan hệ tốt với địa phương, các ngành chức năng nhằm tạo thuận lợi giải quyết công việc.

Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo Công ty giao.

4.9 Trạm cấp nước Châu Thành

Địa chỉ: thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh

Chức năng:

Quản lý 01 Trạm bơm giếng khoan và 01 Trạm tăng áp trên địa bàn huyện Châu Thành;

Quản lý một phần địa phận phường 1, phường 2 thành phố Tây Ninh và huyện Châu Thành.

Nhiệm vụ:

Sản xuất nước sạch và vận hành trạm bơm tăng áp;

Quản lý, thi công lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cấp nước đồng hồ nước; thay thế đồng hồ nước trên địa bàn quản lý;

Quản lý công tác thu tiền nước và ghi chỉ số đồng hồ nước;

Lập kế hoạch phát triển khách hàng, kế hoạch thay thế đồng hồ nước, kế hoạch duy tu bảo dưỡng hệ thống cấp nước trên địa bàn;

Hoạch định kế hoạch mở rộng mạng lưới cấp nước hiện tại và trong tương lai trên địa bàn mình quản lý.

4.10 Đội Quản lý thi công thành phố

Địa chỉ: Số 489 đường 30/4 phường 1, thành phố Tây Ninh

Chức năng:

Quản lý địa phận thành phố Tây Ninh và một phần địa phận huyện Hòa Thành

Nhiệm vụ:

Quản lý, thi công lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cấp nước đồng hồ nước; thay thế đồng hồ nước trên địa bàn quản lý;

Quản lý công tác thu tiền nước và ghi chỉ số đồng hồ nước;

Lập kế hoạch phát triển khách hàng, kế hoạch thay thế đồng hồ nước, kế hoạch duy tu bảo dưỡng hệ thống cấp nước trên địa bàn;

Hoạch định kế hoạch mở rộng mạng lưới cấp nước hiện tại và trong tương lai trên địa bàn mình quản lý.

4.11 Đội Quản lý thi công Hòa Thành

Địa chỉ: Thị trấn Hòa Thành, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

Chức năng:

Quản lý địa phận huyện Hòa Thành và một phần địa phận huyện Dương Minh Châu.

Nhiệm vụ:

Quản lý, thi công lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cấp nước, đồng hồ nước; thay thế đồng hồ nước trên địa bàn quản lý;

Quản lý công tác thu tiền nước và ghi chỉ số đồng hồ nước;

Lập kế hoạch phát triển khách hàng, kế hoạch thay thế đồng hồ nước, kế hoạch duy tu bảo dưỡng hệ thống cấp nước trên địa bàn;

Hoạch định kế hoạch mở rộng mạng lưới cấp nước hiện tại và trong tương lai trên địa bàn quản lý.

4.12 **Đội Quản lý chất lượng nước và chống thất thoát**

Địa chỉ: Số 489 đường 30/4 phường 1, thành phố Tây Ninh

Chức năng:

Áp dụng các tiên bộ khoa học kỹ thuật vào công tác quản lý mạng lưới cấp nước, nghiên cứu các chế độ vận hành của toàn bộ hệ thống cấp nước để phân vùng cấp nước cho từng khu vực trên cơ sở phân tích ưu khuyết điểm của công trình hiện có, đặc tính kỹ thuật hoạt động của các công trình so với thiết kế nhằm đưa hệ thống mạng lưới cấp nước hoạt động tối ưu làm giảm tỷ lệ thất thoát xuống mức thấp nhất;

Nghiên cứu đưa ra các biện pháp quản lý mạng lưới cấp nước và các công trình trên mạng lưới cấp nước để duy trì chế độ làm việc tối ưu bảo đảm chất lượng nước và áp lực cấp nước phù hợp với điều kiện kinh tế kỹ thuật của mạng lưới cấp nước hiện có để làm giảm tổn thất áp lực và giảm thất thoát nước;

Nghiên cứu và đề nghị sử dụng các thiết bị đo (thủy lượng kế) các loại đường kính ống, vật tư thiết bị, các thủy lượng kế hiện đang lắp đặt về tuổi thọ, niên hạn sử dụng, sai số hư hỏng để đề nghị thay thế cho phù hợp nhằm hạn chế thất thoát nước.

Phối hợp với Nhà máy nước, trạm cấp nước các Đội quản lý thi công để kiểm tra chất lượng nước.

Nhiệm vụ:

Thực hiện các giải pháp kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước cho toàn Công ty

Cập nhật mạng lưới cấp nước của toàn Công ty bổ sung vào mạng còn thiếu để phục vụ cho công tác quản lý mạng

Nghiên cứu tìm ra nguyên nhân hư hỏng thường gặp của đồng hồ và độ chính xác của từng loại đồng hồ theo các thông số quy định trong công tác kiểm định đồng hồ nước. Thống kê kiểm định lại các đồng hồ đã thay thế của từng khu vực, thời gian sử dụng, sai số của đồng hồ để nghị thay mới đồng hồ hoặc kiểm định lại;

Thực hiện dò tìm rò rỉ của mạng lưới cấp nước; phối hợp kiểm tra sử dụng nước của khách hàng (kể cả đồng hồ) phát hiện các trường hợp hỏng hóc của đồng hồ như: Đồng hồ đứng, hoạt động không bình thường, mất chì; phát hiện các trường hợp sử dụng nước bất hợp pháp, báo cáo phòng xử lý;

Thường xuyên học hỏi kinh nghiệm của các Công ty bạn, nâng cao học tập về cách quản lý mạng lưới cấp nước để làm giảm thất thoát nước đến mức thấp nhất.

5. Các đơn vị trực thuộc

5.1 Chi nhánh: Không có.

5.2 Các công ty con: Không có.

5.3 Nhà máy, Trạm Cấp nước, Đội quản lý thi công trực thuộc Công ty

- ✓ Nhà máy nước Tây Ninh
- ✓ Trạm Cấp nước Gò Dầu
- ✓ Trạm Cấp nước Trảng Bàng
- ✓ Trạm Cấp nước Bến Cầu
- ✓ Trạm cấp nước Châu Thành
- ✓ Đội Quản lý thi công thành phố
- ✓ Đội Quản lý thi công Hòa Thành
- ✓ Đội Quản lý chất lượng nước và chống thất thoát

6. Thực trạng lao động

Tại thời điểm ngày 24/9/2015, tổng số CBCNV có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty là 129 người, trong đó cơ cấu như sau:

6.1 Tổng số lao động

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Phân theo trình độ lao động	129	100,00
- Trên đại học	-	-
- Trình độ đại học	32	24,81
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	52	40,31
- Trình độ khác	45	34,88
Phân theo loại hợp đồng lao động	129	100,00
- Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động		
- Hợp đồng không xác định thời hạn	126	97,67
- Hợp đồng xác định thời hạn từ 1-3 năm	1	0,78
- Hợp đồng thời vụ	2	1,55
Phân theo giới tính	129	100,00
- Nam	99	76,74
- Nữ	30	23,26

6.2 Các tổ chức đoàn thể

Chi bộ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh

Tổng số đảng viên là 24 người. Trong năm 2014 Chi bộ đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình trong công tác lãnh đạo tại doanh nghiệp theo

các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị của Đảng ủy cấp trên. Chi bộ đoàn kết, trí tuệ, kiện toàn bộ máy tổ chức lãnh đạo vận dụng nhiều giải pháp hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh tại đơn vị. Năm 2014 Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Công đoàn Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh

Tổng số đoàn viên công đoàn là 122 người trong tổng số 129 CBCNV toàn Công ty. Phát huy truyền thống đoàn kết gắn bó từ nhiều năm nay, dưới sự quan tâm lãnh đạo của Chi bộ, Ban giám đốc Công ty và Liên đoàn Lao động tỉnh Tây Ninh. Năm 2014 Công đoàn cơ sở Công ty đạt vững mạnh.

Chi đoàn Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh

Chi đoàn: Tổng số đoàn viên là 25 đoàn viên, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Chi bộ Công ty và sự chỉ đạo trực tiếp từ Đoàn ủy Khối doanh nghiệp tỉnh Tây Ninh. Chi đoàn hoạt động với một số phong trào do Đoàn khối cấp trên và Ban giám đốc Công ty phát động. Năm 2014 Chi đoàn đạt vững mạnh xuất sắc

VI. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

1. Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Nước sản xuất	m ³	6.506.861	7.055.623	7.412.455
2	Nước tiêu thụ	m ³	4.950.984	5.388.856	5.689.019
3	Tỷ lệ hao	%	23,91	23,62	23,25
4	Tổng số khách hàng	hộ	18.858,00	20.429,00	22.032,00
5	Tổng doanh thu	đồng	31.382.355.312	36.575.564.795	41.279.141.375
5.1	Doanh thu nước	đồng	30.323.694.759	34.911.853.696	39.423.777.345
5.2	Doanh thu dịch vụ công trình	đồng	715.087.306	1.340.793.688	1.078.608.933
5.3	Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	341.230.811	307.624.294	257.392.607
5.4	Doanh thu khác	đồng	2.342.436	15.293.117	519.362.490
6	Tổng chi phí	đồng	35.526.797.231	37.191.908.829	41.183.476.375
7	Lợi nhuận trước thuế	đồng	(4.144.441.919)	(616.344.034)	95.665.258
8	Lợi nhuận sau thuế	đồng			33.816.973
9	Cấp bù từ ngân sách nhà nước	đồng	4.805.077.928	1.769.144.552	1.151.105.080
9.1	Bù lỗ	đồng	4.144.441.919	616.344.034	-
9.2	Các quỹ khen thưởng, phúc lợi	đồng	660.636.009	1.152.800.518	1.184.922.053

✚ Số liệu chi tiết tình hình tài chính Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh được tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Vốn chủ sở hữu (không bao gồm số dư quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi)	29.570	33.098	33.132
2	Nợ phải trả	129.888	124.117	120.195
2.1	Nợ ngắn hạn	63.973	62.777	62.930
	<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>	0	0	0
2.2	Nợ dài hạn	65.915	61.340	57.266
	<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>	0	0	0
3	Nợ phải thu	2.644	3.308	2.553
	<i>Trong đó: Nợ phải thu khó đòi</i>	(50)	(157)	(216)
4	Tổng số lao động bình quân	115	116	119
5	Tổng quỹ lương	7.594	8.574	9.031
6	Thu nhập bình quân của người lao động	6.280	6.774	6.789
7	Tổng doanh thu	31.382	36.575	41.279
8	Tổng chi phí	35.526	37.191	41.184
9	Lợi nhuận trước thuế	(4.144)	(616)	95
10	Lợi nhuận sau thuế	(4.144)	(616)	34
11	Tổng tài sản	159.458	157.215	153.327
12	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn chủ sở hữu (%)	(14,02)	(1,86)	0,1

✚ Chi tiết các khoản nợ phải thu của Công ty như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

NỢ PHẢI THU	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Phải thu ngắn hạn	2.644	3.308	2.553
Phải thu của khách hàng	2.239	2.815	2.644
Trả trước cho người bán	272	489	30
Các khoản phải thu khác	184	161	95
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(51)	(157)	(216)
Phải thu dài hạn	-	-	-
Tổng Cộng	2.644	3.308	2.553

✚ Chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

NỢ PHẢI TRẢ	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Nợ ngắn hạn	63.973	62.777	62.930
Vay và nợ ngắn hạn	6.446	6.074	6.075
Phải trả người bán	1.080	279	203
Người mua trả tiền trước	116	28	28
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	33	78	128
Phải trả người lao động	1.613	1.544	2.178
Chi phí phải trả	476	630	338
Các khoản phải trả, phải nộp khác	53.782	53.951	53.960
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	427	193	20
Nợ dài hạn	65.915	61.340	57.266
Vay và nợ dài hạn	65.915	61.340	57.266
Tổng nợ phải trả	129.888	124.117	120.196

2. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm 2014

2.1 Thuận lợi

Sản phẩm và dịch vụ của Công ty là một trong những sản phẩm thiết yếu đối với người tiêu dùng, nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng gia tăng khi chất lượng đời sống xã hội ngày càng cao. Tây Ninh có thuận lợi trong việc phát triển mở rộng hệ thống cấp nước bởi có lợi thế về nguồn nước mặt ổn định và dồi dào lấy từ hồ Dầu Tiếng, có nguồn nước ngầm mạch sâu chất lượng tương đối tốt và địa hình tương đối bằng phẳng. Tuy nhiên tại tỉnh Tây Ninh

có nhiều vùng nguồn nước bị nhiễm phèn nặng gây khó khăn trong sinh hoạt hằng ngày, từ đó nhu cầu nước sạch là rất quan trọng và thiết yếu tại địa bàn của tỉnh.

Hiện nay nhu cầu tiêu dùng nước sạch của các hộ dân trong tỉnh là khá lớn. Công ty đang quản lý 4 trạm cấp nước trong đó trạm cấp nước Trảng Bàng, Bến Cầu đang trong tình trạng chạy hết công suất. Cho nên việc mở rộng hệ thống chỉ là vấn đề trong tương lai gần.

Là một trong những Công ty có bề dày lịch sử lâu đời và có nhiều đóng góp cho sự phát triển của tỉnh nên Công ty luôn nhận được sự quan tâm của UBND tỉnh, nhận được sự hỗ trợ kịp thời của các sở ban ngành tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Công ty thực hiện nhiệm vụ của mình. Thực tế công ty đã được sự tin cậy của UBND tỉnh Tây Ninh trao những dự án đầu tư lớn cấp thành phố như: Dự án Cấp nước và Vệ sinh tỉnh Tây Ninh thuộc Dự án thứ ba cấp nước và vệ sinh cho các thị xã, thị trấn vay nguồn vốn ADB được Chính phủ phân cấp cho Tây Ninh quản lý, Dự án đầu tư hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Tây Ninh,... Bên cạnh đó công ty cũng được tham gia vào ban quản lý dự án cấp nước và thoát nước thị trấn Mộc Bài và cũng là đơn vị thụ hưởng sau khi công trình được đưa vào sử dụng. Ngoài ra công ty cũng được UBND huyện Tân Biên, Tân Châu yêu cầu đầu tư hệ thống cấp nước cho 2 thị trấn này với sự hỗ trợ cũng như tạo điều kiện tốt nhất cho công tác thực hiện. Dự kiến công ty sẽ đầu tư 2 hệ thống này trong năm 2016 và 2018.

Với phương thức hoạt động kinh doanh phát triển bền vững dựa trên nền tảng giá trị gia tăng ngày càng cao cho người dân tại địa phương và trách nhiệm người lao động trong Công ty, nên những năm qua Công ty luôn nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của các cấp chính quyền và sự gắn bó lâu dài, xây dựng cùng phát triển của toàn thể CBCNV Công ty.

2.2 Khó khăn

Thời gian qua dưới tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng đã tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty. Các chi phí sản xuất kinh doanh đồng loạt tăng giá và biến động bất thường như: giá điện, giá xăng dầu, chi phí nhân công, chi phí lãi vay cao... Nhưng giá nước đầu ra không được điều chỉnh kịp thời. Là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hoạt động theo luật doanh nghiệp trực thuộc UBND tỉnh Tây Ninh, giá sản phẩm nước máy do UBND tỉnh quyết định. Thực hiện Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc triển khai cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh, doanh nghiệp đã lập lộ trình điều chỉnh giá nước giai đoạn 2016 – 2018 trình các Sở, ban ngành đến nay chưa được duyệt đã tạo ra những khó khăn về tài chính trong tương lai.

Hiện nay với khả năng cung cấp nước sạch của công ty là rất lớn nhưng do nhận thức của người dân chưa cao về tầm quan trọng của nước sạch, còn thói quen sử dụng nước giếng chưa qua xử lý. Không chỉ vậy việc khai thác nước ngầm tại các hộ gia đình đang diễn ra một cách tự nhiên và không kiểm soát

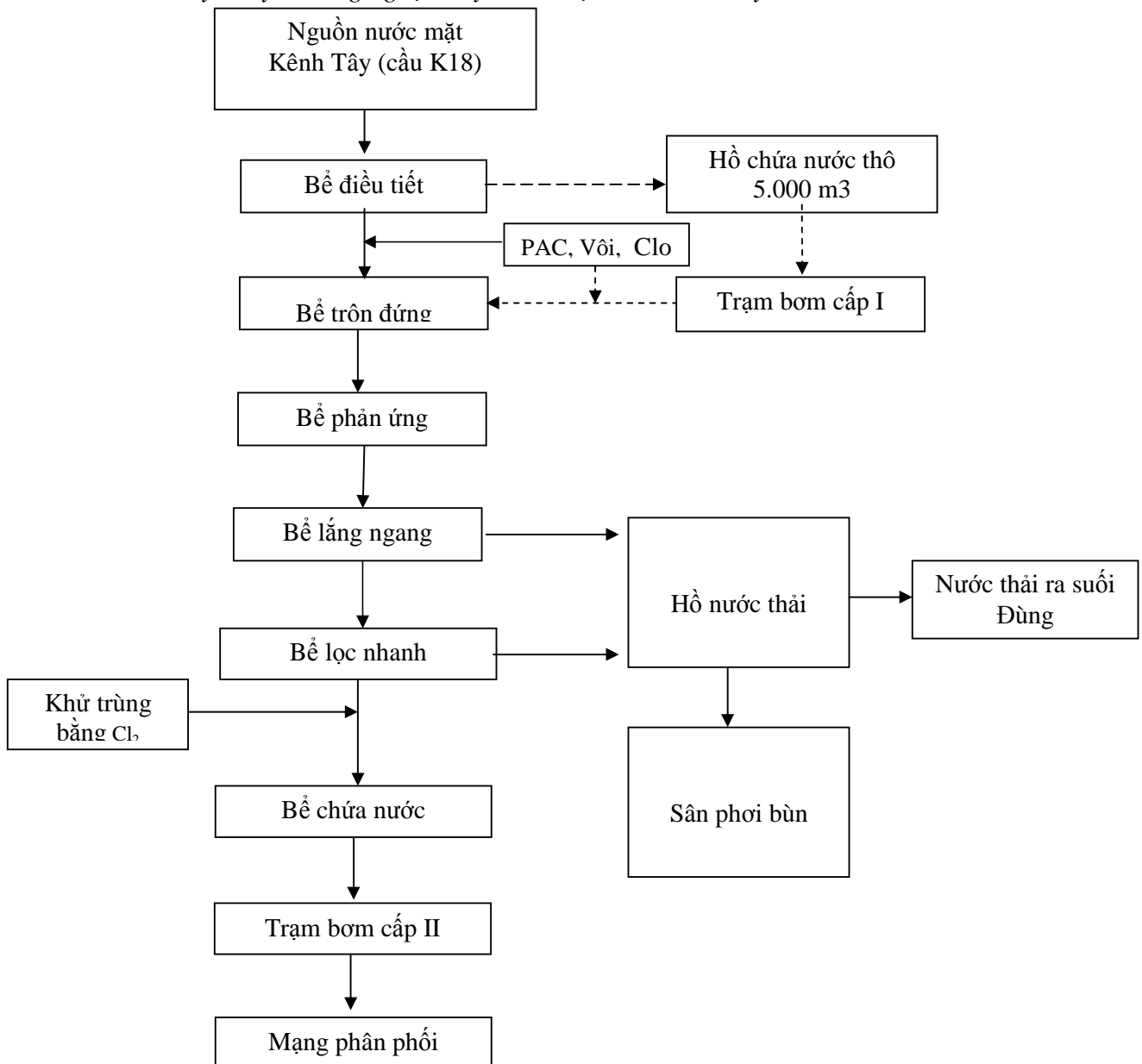
được. Chính vì những nguyên nhân đó mà một số trạm cấp nước do công ty quản lý vẫn chưa phát hết công suất cũng như sản lượng, kế hoạch phát triển hàng năm không cao.

Mật độ bao phủ của mạng lưới cấp nước chiếm 68,31% dân số đô thị được cấp nước, thấp hơn nhu cầu sử dụng nước sạch của thành phố Tây Ninh, vốn đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước là rất lớn. Mật độ khách hàng sử dụng nước còn thừa thớt, nên việc thu hồi vốn đầu tư chậm, theo số liệu thống kê của đơn vị thì mỗi năm phát triển khoảng 1.500 khách hàng.

3. Trình độ công nghệ

3.1 Nhà máy nước Tây Ninh

Sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý nước mặt NM Nước Tây Ninh



Giải trình công nghệ

Nước thô được dẫn từ Kênh Tây về nhà máy có chiều dài 1.130 m bằng đường ống gang có đường kính D800 mm, nước tự chảy về nhà máy nhờ chênh lệch cao trình giữa Kênh Tây và cao trình các công trình xử lý. Khi cao trình mực nước ở Kênh Tây thấp hơn +14,00 nước thô sẽ được dẫn vào hồ chứa nước thô và bơm vào bể trộn đứng bằng trạm bơm cấp 1.

Nước được châm Clo, Vôi và PAC trước khi vào bể trộn.

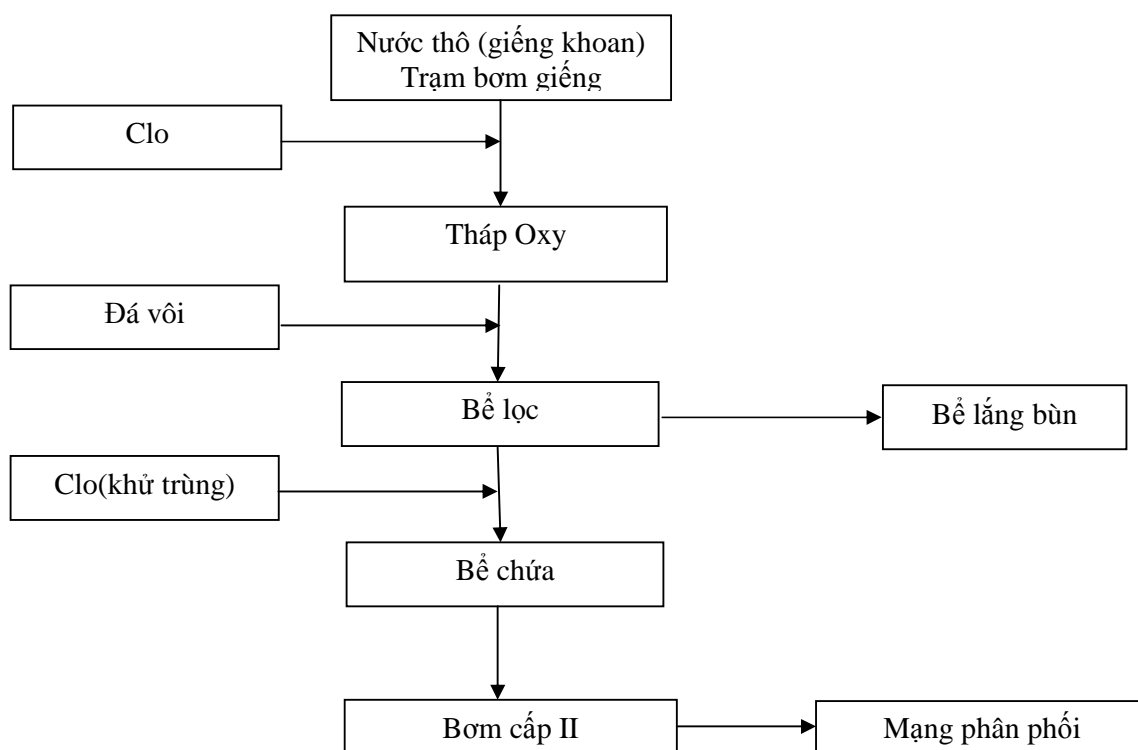
Nước được dẫn vào cụm xử lý: qua các bể phản ứng, bể lắng, bể lọc. Nước được châm Clo trước khi vào bể chứa.

Nước đưa ra mạng lưới phân phối đến nơi tiêu thụ bằng trạm bơm cấp II.

Công nghệ sử dụng tại nhà máy nước là công nghệ xử lý nước mặt với chất lượng nước sản xuất phù hợp tiêu chuẩn nước ăn uống theo QCVN 01/2009/BYT ban hành kèm theo thông tư 04/2009/BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế.

3.2 Trạm cấp nước Châu Thành

Sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý nước



Giải trình công nghệ

Nước thô được bơm từ giếng khoan (trạm bơm giếng) qua tháp ô xy được châm Clo.

Nước được châm vôi để tăng pH trước khi vào bể lọc.

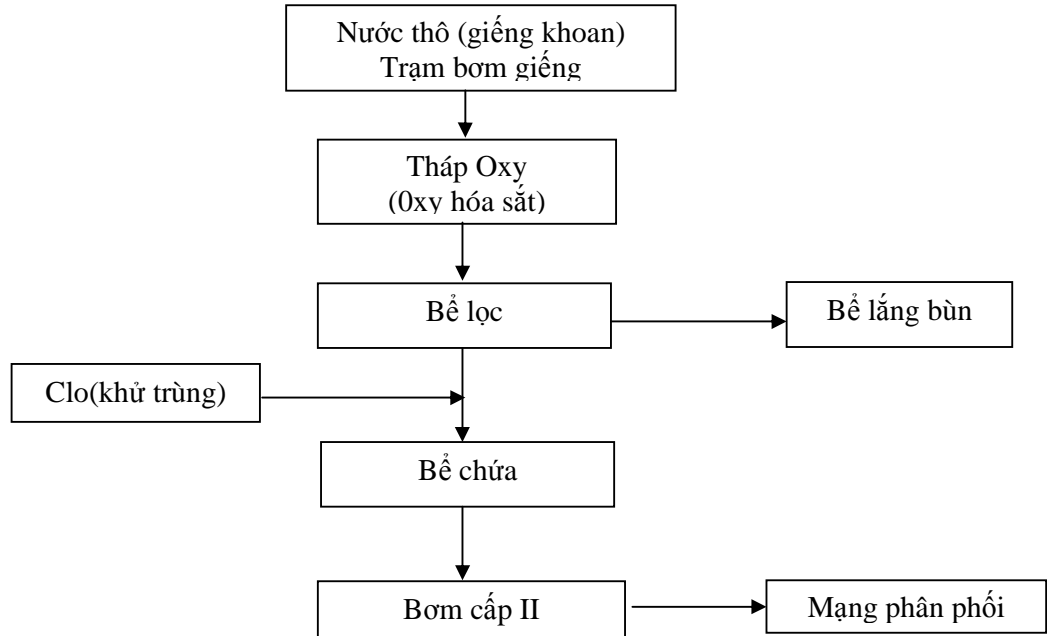
Nước đưa ra mạng lưới phân phối đến nơi tiêu thụ bằng trạm bơm cấp

Chất lượng nước được trạm phát ra được sự giám sát của Phòng Hóa nghiệm Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh và Trung Tâm Y tế Dự phòng Tây Ninh, áp dụng tiêu chuẩn nước ăn uống theo QCVN: 01/2009/ BYT ban hành kèm theo thông tư 04/2009/BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế.

3.3 Trạm cấp nước Gò Dầu

Trạm Rạch Sơn

Sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý nước



Giải trình công nghệ

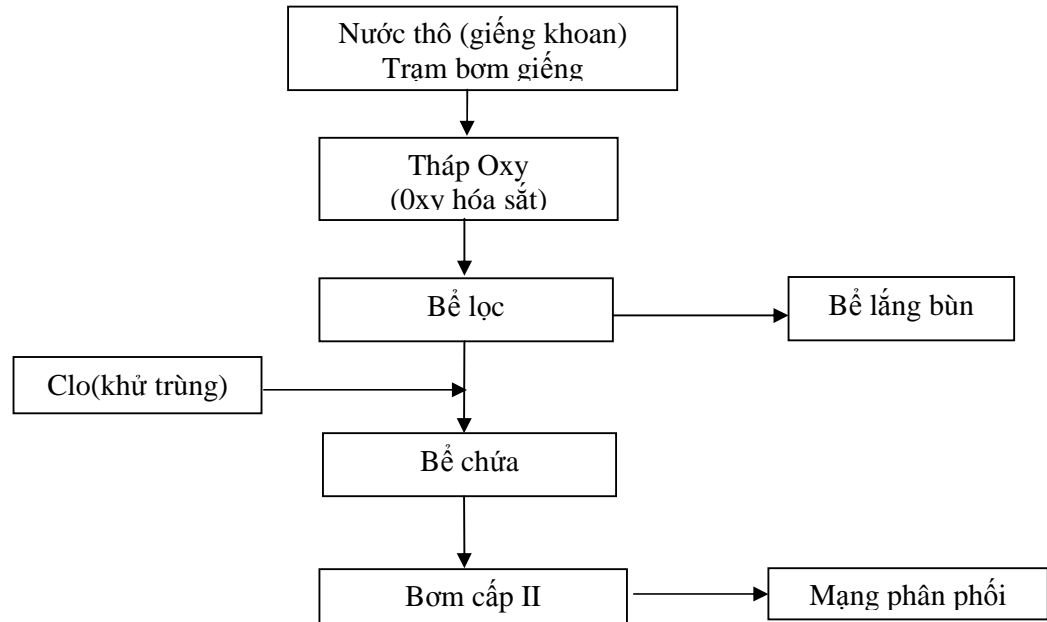
Nước thô được bơm từ giếng khoan (trạm bơm giếng) qua tháp ô xy và vào bể lọc vật liệu nổi, Sau đó nước được châm Clo trước khi vào bể chứa. Rồi đưa ra mạng lưới phân phối đến nơi tiêu thụ bằng trạm bơm cấp II.

Chất lượng nước được trạm phát ra được sự giám sát của Phòng Hóa nghiệm Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh và Trung Tâm Y tế Dự phòng Tây Ninh, áp dụng tiêu chuẩn nước ăn uống theo QCVN: 01/2009/ BYT ban hành kèm theo thông tư 04/2009/BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế.



Trạm Gò Gạch

Sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý nước



Giải trình công nghệ

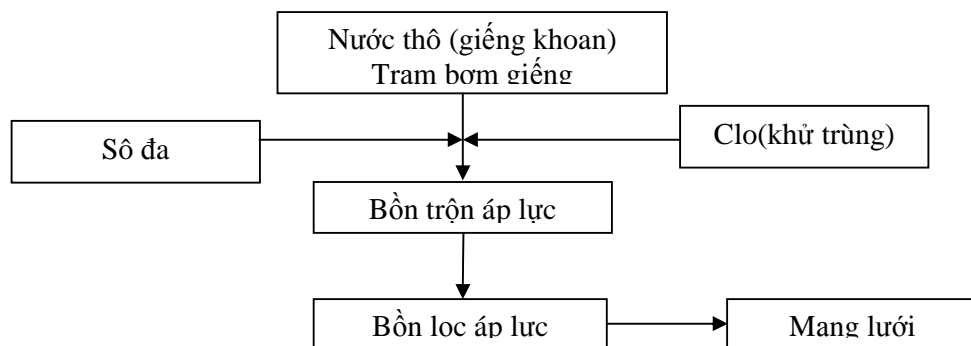
Nước thô được bơm từ giếng khoan (trạm bơm giếng) qua tháp ô xy và vào bể lọc vật liệu nổi, Sau đó nước được châm Clo trước khi vào bể chứa. Rồi đưa ra mạng lưới phân phối đến nơi tiêu thụ bằng trạm bơm cấp II.

Chất lượng nước được trạm phát ra được sự giám sát của Phòng Hóa nghiệm Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh và Trung Tâm Y tế Dự phòng Tây Ninh, áp dụng tiêu chuẩn nước ăn uống theo QCVN: 01/2009/ BYT ban hành kèm theo thông tư 04/2009/BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế.



Trạm Nhà Văn hóa

Sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý nước ngầm



Giải trình công nghệ

Nước thô được bơm từ giếng khoan (trạm bơm giếng) lên được châm dung dịch Sô đa và Clo trước khi vào bồn trộn áp lực. Sau đó đi qua bồn lọc áp lực

rồi ra mạng lưới phân phối đến nơi tiêu thụ.

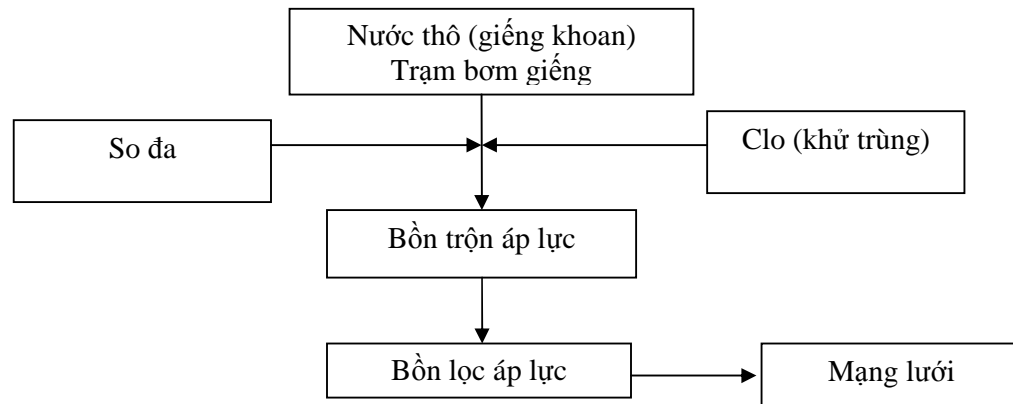
Chất lượng nước được trạm phát ra được sự giám sát của Phòng Hóa nghiệm Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh và Trung Tâm Y tế Dự phòng Tây Ninh, áp dụng tiêu chuẩn nước ăn uống theo QCVN: 01/2009/BYT ban hành kèm theo thông tư 04/2009/BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế.

3.4 Trạm cấp nước Trảng Bàng



Trạm cấp nước Sân Vận động

Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước



Giải trình công nghệ

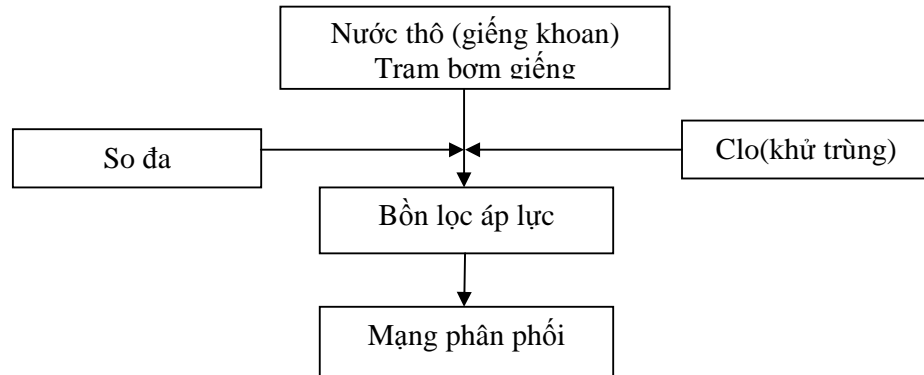
Nước thô được bơm từ giếng khoan (trạm bơm giếng) lên được châm dung dịch Sođa để nâng pH và clo trước khi vào bồn trộn áp lực. Sau đó đi qua bồn lọc áp lực rồi ra mạng lưới phân phối đến nơi tiêu thụ.

Chất lượng nước được trạm phát ra được sự giám sát của Phòng Hóa nghiệm Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh và Trung Tâm Y tế Dự phòng Tây Ninh, áp dụng tiêu chuẩn nước ăn uống theo QCVN: 01/2009/BYT ban hành kèm theo thông tư 04/2009/BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế.



Trạm cấp nước Giếng Mạch

Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước



Giải trình công nghệ

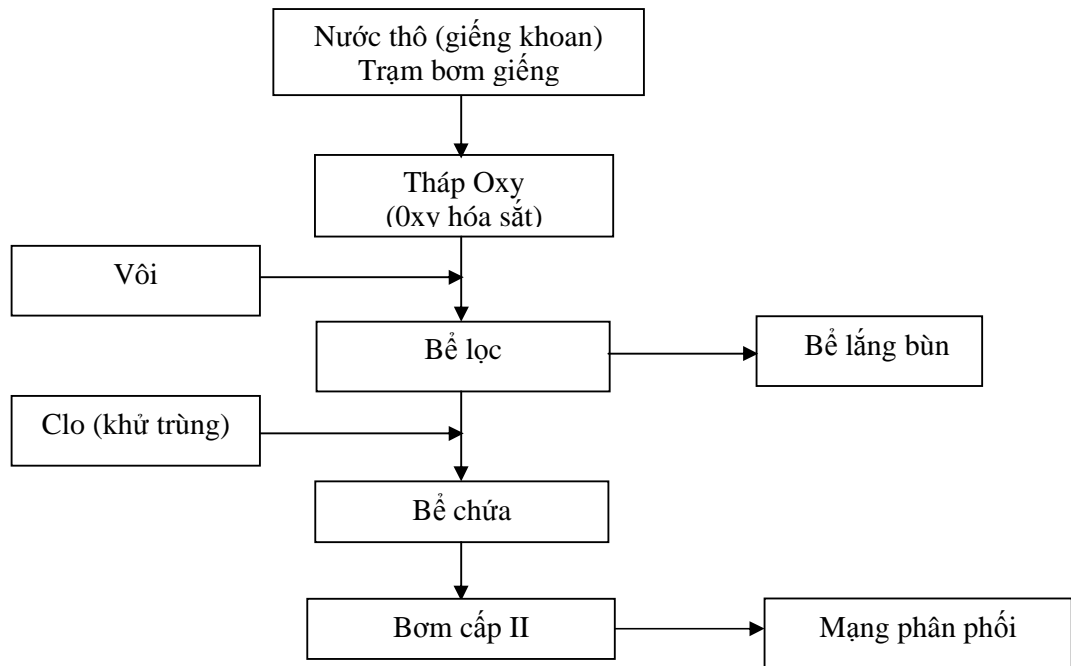
Nước thô được bơm từ giếng khoan (trạm bơm giếng) lên được châm dung dịch Soda và Clo trước khi vào bồn lọc áp lực rồi ra mạng lưới phân phối đến nơi tiêu thụ.

Chất lượng nước được nhà máy phát ra được sự giám sát của Phòng Hóa nghiệm Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh và Trung Tâm Y tế Dự phòng Tây Ninh, áp dụng tiêu chuẩn nước ăn uống theo QCVN: 01/2009/ BYT ban hành kèm theo thông tư 04/2009/BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế.



Trạm cấp nước Khu công nghiệp Trảng Bàng

Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước (Xem trang tiếp theo)



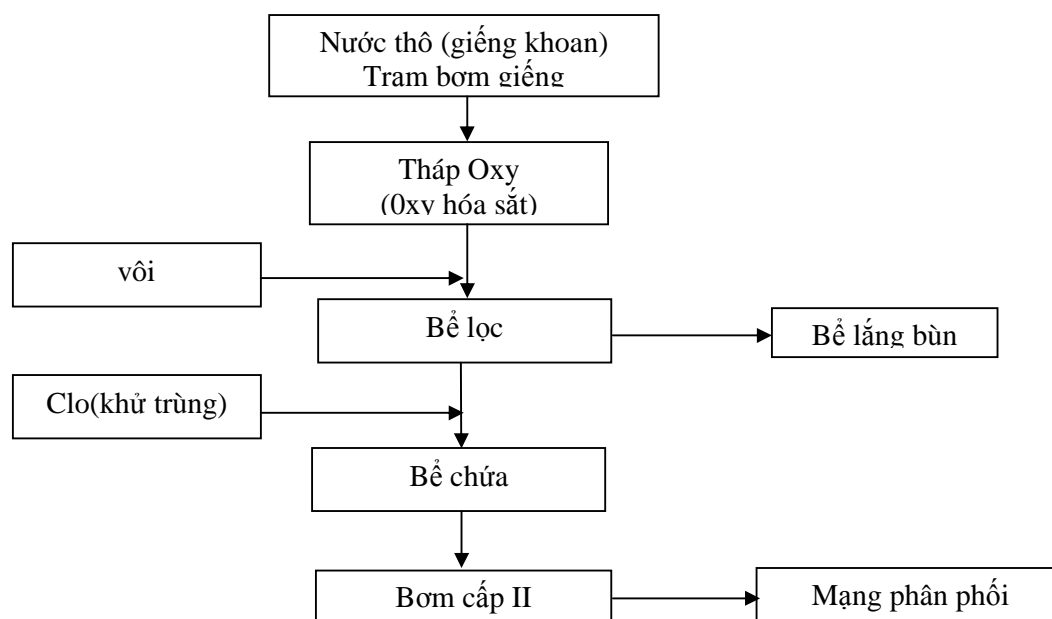
Giải trình công nghệ

Nước thô được bơm từ giếng khoan (trạm bơm giếng) qua tháp ô xy. Sau đó nước đi qua bể lọc. Tại đây nước được châm dung dịch vôi để nâng pH trước khi vào bể lọc. Nước được châm Clo trước khi vào bể chứa. Sau đó nước được đưa ra mạng lưới phân phối đến nơi tiêu thụ bằng trạm bơm cấp II.

Chất lượng nước được nhà máy phát ra được sự giám sát của Phòng Hóa nghiệm Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh và Trung Tâm Y tế Dự phòng Tây Ninh, áp dụng tiêu chuẩn nước ăn uống theo QCVN: 01/2009/ BYT ban hành kèm theo thông tư 04/2009/BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế.

3.5 Trạm cấp nước Bến Cầu

Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước ngầm Trạm Cấp nước Bến Cầu (cụm 1)



Giải trình công nghệ

Nước thô được bơm từ giếng khoan (trạm bơm giếng) qua tháp ô xy.

Nước được châm vôi để tăng pH trước khi vào bể lọc.

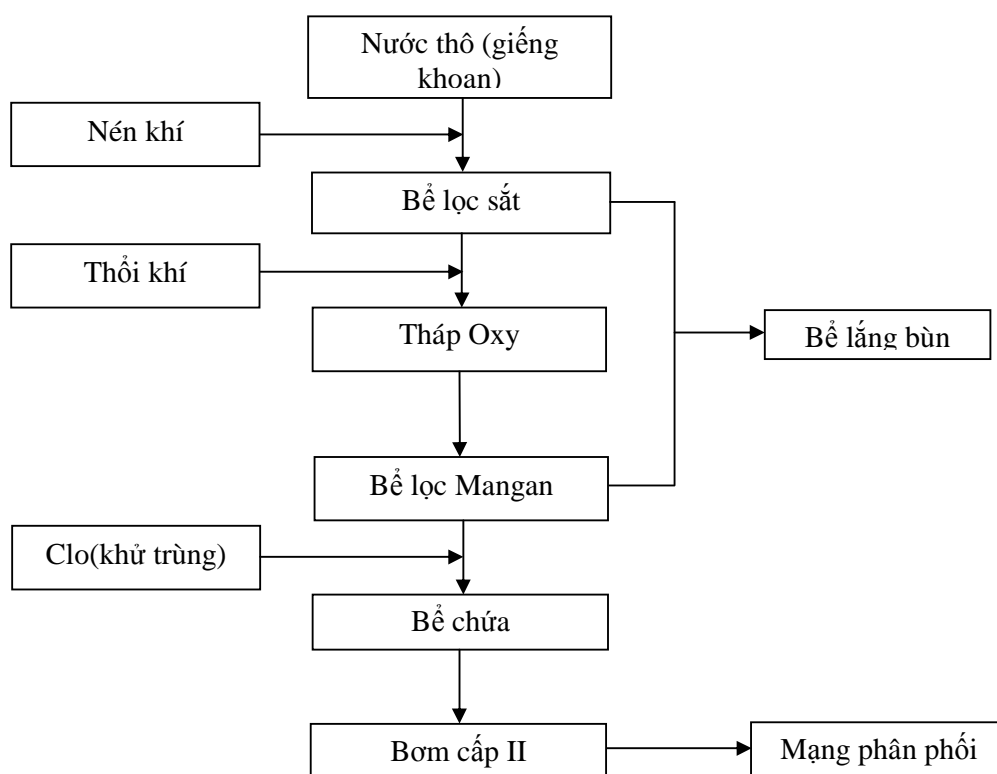
Nước được châm Clo trước khi vào bể chứa.

Nước đưa ra mạng lưới phân phối đến nơi tiêu thụ bằng trạm bơm cấp II.

Chất lượng nước được nhà máy phát ra được sự giám sát của Phòng Hóa nghiệm Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh và Trung Tâm Y tế Dự phòng Tây Ninh, áp dụng tiêu chuẩn nước ăn uống theo QCVN: 01/2009/ BYT ban hành kèm theo thông tư 04/2009/BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế.

Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước ngầm

Trạm Cấp nước Bến Cầu (cụm 2)



VII. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.

1. Tổng giá trị tài sản của Công ty

Tổng giá trị tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 trước khi xác định giá trị doanh nghiệp là: 153.327.837.005 đồng.

Trong đó :

- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn : 8.779.513.693 đồng
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn : 144.548.323.312 đồng

Số liệu sau khi xử lý tài chính như sau:

- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn tăng thêm: 0 đồng
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn giảm : (5.185.772.208) đồng
 - Tổng tài sản sau xử lý tài chính : 148.409.700.217 đồng

Trong đó:

- Tài sản đang dùng : 148.142.064.796 đồng
- Tài sản không cần dùng : 193.471.961 đồng
- Tài sản chờ thanh lý : 74.163.460 đồng

2. Phân theo cơ cấu tài sản

a. Tài sản cố định

Đơn vị tính: Đồng

T T	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
A	Tài sản cố định đang dùng	194.476.629.224	55.114.078.121	139.362.551.103
1	Tài sản hữu hình	188.689.755.067	54.748.771.131	133.940.983.936
2	Tài sản cố định vô hình	953.454.564	365.306.990	588.147.574
3	Chi phí xây dựng dở dang	91.068.842	-	91.068.842
4	CCDC và chi phí trả trước dài hạn	4.742.350.751	-	4.742.350.751
B	TSCĐ không cần dùng	5.290.229.351	5.096.757.390	193.471.961
C	TSCĐ chờ thanh lý	705.283.499	631.120.039	74.163.460
D	TSCĐ giữ hộ nhà nước	-	-	-
	Tổng cộng	200.472.142.074	60.841.955.550	139.630.186.524

(Nguồn: Số liệu tại thời điểm 31/12/2014 sau khi đã xử lý tài chính của doanh nghiệp)

b. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục	Số tiền
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	4.435.165.107
2	Các khoản phải thu	2.552.761.436
2.1	Phải thu khách hàng	2.643.976.896
2.2	Trả trước cho người bán	30.250.000
2.3	Phải thu khác	94.935.768
2.4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(216.401.228)
3	Hàng tồn kho	1.666.126.621
4	Tài sản lưu động khác	125.460.529
4.1	Thuế GTGT được khấu trừ	3.903.004
4.2	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	1.557.525
4.3	Tài sản ngắn hạn khác	120.000.000
	Tổng cộng	8.779.513.693

(Nguồn: Số liệu tại thời điểm 31/12/2014 sau khi đã xử lý tài chính của doanh nghiệp)

3. Phân theo nguồn vốn

a. Vốn chủ sở hữu

STT	Khoản mục	Số tiền
1	Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu	82.065.075.955
2	Quỹ đầu tư phát triển	185.047.841
3	Quỹ dự phòng tài chính	135.047.152
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(6.965.071.901)
	Cộng	75.420.099.047

(Nguồn: Số liệu tại thời điểm 31/12/2014 sau khi đã xử lý tài chính của doanh nghiệp)

b. Các khoản công nợ phải trả

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục	Số tiền
I	Nợ ngắn hạn	9.202.849.527
1	Vay và nợ ngắn hạn	6.074.522.138
2	Phải trả người bán	203.114.792
3	Người mua trả tiền trước	27.686.000
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	127.876.222
5	Phải trả người lao động	2.178.309.690
6	Chi phí phải trả	337.801.494
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	233.129.404
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	20.409.787
II	Vay và nợ dài hạn	63.519.116.222
	Tổng cộng	72.721.965.749

(Nguồn: Số liệu tại thời điểm 31/12/2014 sau khi đã xử lý tài chính của doanh nghiệp)

c. Thực trạng về đất đai đang sử dụng

Công ty đang quản lý và sử dụng 18 lô đất, Công ty chọn hình thức thuê đất và trả tiền hàng năm nên không thực hiện đánh giá lại giá trị đối với các lô đất Công ty đang quản lý và sử dụng khi tiến hành định giá xác định giá trị doanh nghiệp.

VIII. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin về doanh nghiệp sau cổ phần hóa

1.1 Thông tin cơ bản

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH.**
- Tên tiếng Anh: TAY NINH WATER SUPPLY – SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY
- Tên Tiếng Anh viết tắt: TAYNINHWASSCO.
- Trụ sở chính: Số 489, đường 30-4, KP1, Phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

1.2 Ngành nghề kinh doanh

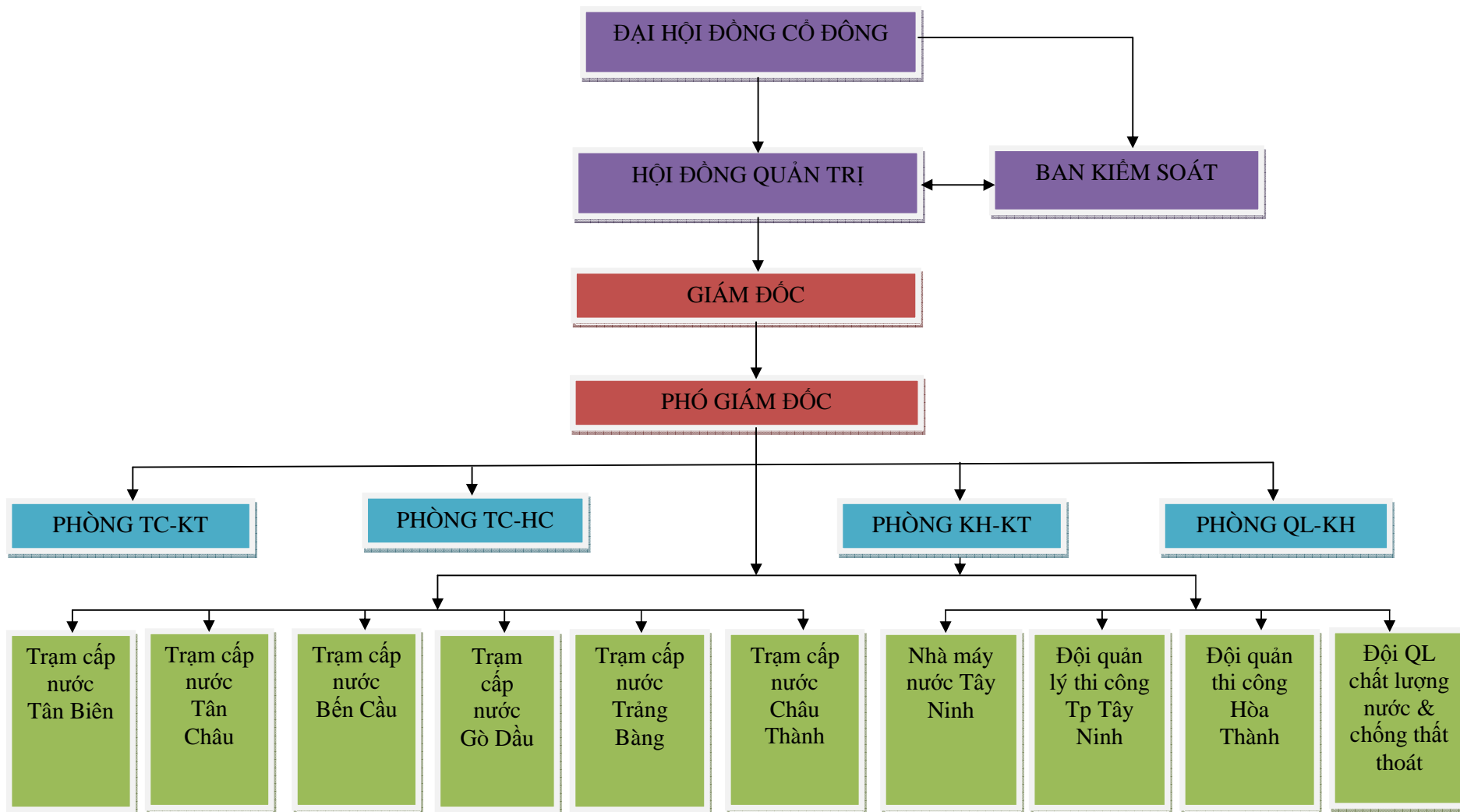
Công ty vẫn tiếp tục đẩy mạnh, phát triển ngành nghề kinh doanh hiện tại, bao gồm:

-
- Sản xuất, kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
 - Sản xuất kinh doanh nước tinh khiết;
 - Lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư, thiết kế, giám sát và xây dựng các công trình cấp thoát nước trong và ngoài tỉnh;
 - Sản xuất các sản phẩm cơ khí, nhựa, chuyên ngành cấp thoát nước;
 - Kinh doanh vật tư chuyên ngành cấp, thoát nước;
 - Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
 - Quản lý thoát nước và vệ sinh môi trường;
 - Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

1.3 Tổ chức bộ máy công ty

Về cơ bản cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty không thay đổi nhiều sau khi cổ phần hóa. Sơ đồ tổ chức công ty như sau:

Sơ đồ tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa (Xem trang tiếp theo)



2. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của Công ty sau cổ phần hóa

2.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa

a. Chiến lược phát triển

Theo Quyết định của UBND tỉnh Tây Ninh số 22/2014/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 về việc ban hành Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2014-2020 và định hướng đến năm 2030, thì giai đoạn 2016-2020 số lượng các đô thị trên địa bàn toàn tỉnh là 14 đô thị tăng thêm 5 đô thị so với năm 2015 cụ thể như sau:

- ✓ Đô thị loại III: có 1 đô thị (thành phố Tây Ninh).
- ✓ Đô thị loại IV: có 3 đô thị (thị xã Trảng Bàng, thị xã Hòa Thành và thị trấn Gò Dầu) trong đó thị trấn Gò Dầu từ đô thị loại V được nâng cấp lên đô thị loại IV.
- ✓ Đô thị loại V: có 10 đô thị trong đó có 5 thị trấn: Tân Biên, Tân Châu, Châu Thành, Dương Minh Châu, Bến Cầu và 5 đô thị mới được hình thành là: Phước Đông - Bời Lời, Mộc Bài, Xa Mát, Chàng Riệc, Kà Tum.

Với việc nâng cấp và gia tăng các đô thị thì lượng nước sạch cần cung cấp cũng phải tăng theo để bắt kịp đà phát triển của xã hội. Theo đó thì lượng nước cấp cho khu vực nội đô của đô thị loại III sẽ nâng lên thành 150 lít/người/ngày, đô thị loại IV, V sẽ nâng lên thành 100 lít/người/ngày. Tiêu chuẩn cấp nước khu công nghiệp là 22 m³/ha/ngày. Tỷ lệ thất thoát nước trong toàn hệ thống năm 2020 là dưới 18%.

Ngành nghề kinh doanh của công ty sau khi cổ phần hóa không thay đổi nhiều so với hiện tại, chủ yếu tập trung nguồn lực để đảm bảo phục vụ nước sạch cho dân cư đô thị theo chủ trương của Nhà nước – tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đảm bảo 90% đối với đô thị loại III và 60-70% đối với đô thị loại IV mà công ty đã có hệ thống.

Riêng dịch vụ thoát nước, hiện nay công ty chưa có quản lý về mặt này. Nhưng đến 2020 dự kiến công ty sẽ tiếp nhận hệ thống thu gom và xử lý nước thải TP Tây Ninh với công suất 5.000 m³/ngày đêm. Từ đó phát triển thêm ngành nghề dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải.

Nâng cao năng lực sản xuất theo hướng tự động hóa, hiện đại hóa, đảm bảo kinh doanh hiệu quả, phấn đấu từ năm 2016 về sau hàng năm công ty hoạt động có lãi và ngày càng cao hơn. Xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật và nghiệp vụ chất lượng, đủ sức đáp ứng các yêu cầu về nước sạch ngày càng tăng. Thực hiện tốt kế hoạch cấp nước an toàn, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, sức khỏe cộng đồng...

b. Mục tiêu

Xây dựng công ty phát triển bền vững, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo đời sống cho người lao động, đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước.

c. Các chỉ tiêu chính

Sản lượng nước sản xuất trung bình mỗi năm tăng 5%, đến năm 2018 đạt 9 triệu m³.

Dự kiến doanh thu bình quân 3 năm sau cổ phần hóa đạt 61 tỷ đồng (tăng mỗi năm khoảng 9%).

Dự kiến giá nước năm 2016 tăng 20,93% so với 2015, năm 2017 tăng 3,37% so với 2016, 2018 tăng 3,26% so với 2017.

Phân đầu giảm tỉ lệ thất thoát – thất thu nước đến năm 2018 còn 21,5% và đến năm 2020 còn dưới 18,0%.

Thu nhập bình quân của người lao động hàng năm tăng từ 5% trở lên.

Tỷ lệ chia cổ tức: Hai năm đầu sau cổ phần hóa giá bán nước sạch điều chỉnh theo lộ trình 2016 – 2018 được sự đồng ý của lãnh đạo UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 15/9/2015 nên Công ty quyết định đến năm 2018 tỷ lệ cổ tức là 2%.

Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước và chống thất thoát nước với tổng giá trị đầu tư 03 năm sau cổ phần hóa là 10.869.000.000 đồng.

Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng 100% yêu cầu về kỹ thuật và công nghệ.

Trên cơ sở của tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, quy mô lĩnh vực hoạt động của công ty sau khi cổ phần và nền tảng các nguồn lực hiện có, Công ty đưa ra dự kiến các chỉ tiêu kinh tế trong 3 năm tiếp theo như sau:

CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH SẢN XUẤT KINH DOANH TỪ NĂM 2016 - 2018

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Nước sản xuất	1.000 m ³	7.760	8.200	8.600	9.000
2	Nước tiêu thụ	1.000 m ³	5.973	6.355	6.708	7.065
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	44.132	57.102	62.229	67.596
3.1	Doanh thu nước	Triệu đồng	43.132	56.002	61.029	66.296
3.2	Doanh thu dịch vụ công trình	Triệu đồng	800	850	900	950
3.3	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	200	250	300	350

4	Tổng chi phí	Triệu đồng	41.193	53.289	58.044	63.084
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.939	3.813	4.184	4.512
5.1	Thuế thu nhập doanh nghiệp (20%)	Triệu đồng	588	763	837	902
5.2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.351	3.050	3.347	3.610
6	Vốn điều lệ	Triệu đồng	105.768	105.768	105.768	105.768
7	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	%	2,223	2,884	3,166	3,413
8	Tỷ lệ chia cổ tức	%		2	2	2
9	Đầu tư xây dựng hệ thống	Triệu đồng		6.000	16.000	12.000
9.1	Hệ thống cấp nước thị trấn Tân Châu: công suất 1.000 m ³ /ngày	Triệu đồng		6.000	10.000	
9.2	Hệ thống cấp nước thị trấn Tân Biên: công suất 1.000 m ³ /ngày	Triệu đồng			6.000	12.000
10	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	9.763	10.568	11.374	12.241
11	Tổng số lao động	người	129	139	149	159
12	Thu nhập bình quân	đ/th/ng	6.306.638	6.335.690	6.361.150	6.415.610

d. Căn cứ

Kế hoạch kinh doanh cho giai đoạn 2016 – 2018 được công ty xây dựng dựa trên sự tính toán về khả năng tiêu thụ nước trong tương lai trên cơ sở giá nước có khả năng điều chỉnh so với hiện tại. Tuy nhiên giá nước dự kiến chưa được UBND tỉnh phê duyệt và có thể thay đổi theo sự phê duyệt giá nước của UBND tỉnh Tây Ninh hằng năm.

Biểu giá nước dự kiến theo kế hoạch 2016 – 2018 như sau:

Đvt: đồng/m³

Stt	Đối tượng	Năm 2015	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
		Giá	Gđc	%đc	Gđc	%đc	Gđc	%đc
1	Nước sạch dùng cho sinh hoạt các hộ dân cư	6.800	8.600	20.93	8.900	3.37	9.200	3.26
2	Nước sạch dùng cho cơ quan hành chính sự nghiệp	9.500	11.000	13.64	11.300	2.65	11.600	2.59
3	Nước sạch dùng cho đơn vị sản xuất vật chất tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh	8.200	9.400	12.77	9.700	3.09	10.000	3.00
4	Nước sạch dùng cho đơn vị sản xuất vật chất (trừ đối tượng số 3)	10.000	11.500	13.04	11.800	2.54	12.100	2.48
5	Nước sạch dùng cho kinh doanh dịch vụ	12.500	14.000	10.71	14.300	2.10	14.600	2.05

Kế hoạch kinh doanh về kinh doanh nước máy qua từng năm:

Năm 2016

+ Nước sản xuất: 8.200.000 m³

+ Nước tiêu thụ: 6.355.000 m³

+ Tỷ lệ hao: 22,50%

Số	Đối tượng	Tỷ lệ đối tượng	Sản lượng tiêu thụ (m ³)	Giá bán (đ/m ³)	Doanh thu nước máy (đồng)
1	Sinh hoạt các hộ dân cư	69,73%	4.431.342	8.600	38.109.536.900
2	Cơ quan hành chính sự nghiệp	6,15%	390.833	11.000	4.299.157.500
3	Đơn vị sản xuất vật chất, dng	8,28%	526.194	11.500	6.051.231.000
4	Khu công nghiệp	12,83%	815.347	9.400	7.664.257.100
5	Kinh doanh dịch vụ	3,01%	191.286	14.000	2.677.997.000
	Tổng cộng	100%	6.355.000		58.802.179.500

Năm 2017

- + Nước sản xuất: 8.600.000 m³
- + Nước tiêu thụ: 6.708.000 m³
- + Tỷ lệ hao: 22,00%

<i>Số</i>	<i>Đối tượng</i>	<i>Tỷ lệ đối tượng</i>	<i>Sản lượng tiêu thụ (m3)</i>	<i>Giá bán (đ/m3)</i>	<i>Doanh thu nước máy (đồng)</i>
1	Sinh hoạt các hộ dân cư	69,73%	4.677.488	8.900	41.629.646.760
2	Cơ quan hành chính sự nghiệp	6,15%	412.542	11.300	4.661.724.600
3	Đơn vị sản xuất vật chất, doanh nghiệp	8,28%	555.422	11.800	6.553.984.320
4	Khu công nghiệp	12,83%	860.636	9.700	8.348.173.080
5	Kinh doanh dịch vụ	3,01%	201.911	14.300	2.887.324.440
	<i>Tổng cộng</i>	100%	6.708.000		64.080.853.200

Năm 2018

- + Nước sản xuất: 9.000.000 m³
- + Nước tiêu thụ: 7.065.000 m³
- + Tỷ lệ hao: 21,50%

<i>Số</i>	<i>Đối tượng</i>	<i>Tỷ lệ đối tượng</i>	<i>Sản lượng tiêu thụ (m3)</i>	<i>Giá bán (đ/m3)</i>	<i>Doanh thu nước máy (đồng)</i>
1	Sinh hoạt các hộ dân cư	69,73%	4.926.425	9.200	45.323.105.400
2	Cơ quan hành chính sự nghiệp	6,15%	434.498	11.600	5.040.171.000
3	Đơn vị sản xuất vật chất, doanh nghiệp	8,28%	584.982	12.100	7.078.282.200
4	Khu công nghiệp	12,83%	906.440	10.000	9.064.395.000
5	Kinh doanh dịch vụ	3,01%	212.657	14.600	3.104.784.900
	<i>Tổng cộng</i>	100%	7.65.0		69.610.738.500

*** Doanh thu dự tính ở trên được tính trên cơ sở doanh thu có thuế GTGT 5%.**

Tại điểm 4, điều 3 Thông tư số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 “trường hợp giá tiêu thụ nước sạch do UBND tỉnh quyết định (hoặc phê duyệt) thấp hơn phương án giá nước sạch do các đơn vị cấp nước lập đã được Sở Tài chính thẩm định theo các nguyên tắc tính đúng tính đủ quy định thì hàng năm UBND tỉnh phải xem xét cấp bù từ ngân sách địa phương, ...”

3. Phương án sử dụng đất


Công ty sẽ tiếp tục sử dụng toàn bộ 18 khu đất đang quản lý và sử dụng trước đây, sau chuyển sang Công ty cổ phần theo đúng phương án sử dụng đã được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt.

4. Các giải pháp thực hiện

4.1 Giải pháp về điều hành hoạt động của công ty cổ phần

Sau khi chuyển sang công ty cổ phần, công ty sẽ hoạt động theo luật Doanh nghiệp dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát và Ban giám đốc. Việc bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và bổ nhiệm Ban giám đốc sẽ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật hiện hành về công ty cổ phần. Cơ sở hoạt động của công ty cổ phần là điều lệ, được xây dựng theo quy định của luật doanh nghiệp và các quy định có liên quan.

4.2 Giải pháp về tổ chức, quản lý, điều hành sản xuất và kinh doanh


 Giải pháp về tổ chức, quản lý:

Nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý chặt chẽ mọi hoạt động của đơn vị và các bộ phận trực thuộc

Dần dần đi đến chuyên nghiệp hóa trong việc ghi chỉ số đồng hồ nước để đảm bảo tính chính xác.

Kiên toàn công tác quản trị doanh nghiệp theo hướng phù hợp với trình độ sản xuất, mục tiêu sản xuất kinh doanh phải có hiệu quả.

Từng bước hoàn thiện công tác quản trị sản xuất, đưa ra các quy trình kiểm soát về tiến độ, chất lượng, tối ưu hóa các chi phí quản lý.

 Giải pháp điều hành sản xuất và kinh doanh:

Quản lý vận hành tốt các nhà máy: duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị, quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào.

Thực hiện tốt các quy định về khai thác và xả thải, các biện pháp bảo vệ môi trường theo Luật tài nguyên nước.

Quản lý chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của Bộ y tế.

Kiên toàn bộ máy quản lý khách hàng để công tác phục vụ khách hàng được tốt nhất, gia tăng sản lượng tiêu thụ nước.

Quản lý tốt mạng lưới, công tác ghi thu để hạn chế lượng nước thất thoát, thất thu.

Đưa ra các biện pháp quản lý thiết thực nhất trong việc tiết kiệm chi phí điện năng.

Quản lý tốt nguồn nhân lực của công ty với mục đích nâng cao hiệu quả lao động.

4.3 Giải pháp về thị trường

Quảng bá thương hiệu và chất lượng sản phẩm, dịch vụ ngành nước, tiếp tục duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng máy móc, thiết bị, đường ống đảm bảo cung cấp nước sạch đạt chất lượng để khẳng định uy tín thương hiệu, đáp ứng nhu cầu đa dạng của từng đối tượng khách hàng.

Tích cực phát triển các giải pháp gia tăng khách hàng sử dụng nước, tăng sản lượng tiêu thụ như nghiên cứu phát triển mở rộng mạng lưới tuyến ống trên cơ sở phù hợp với nhu cầu tiêu dùng và đạt hiệu quả kinh tế tối ưu nhất, đặc biệt quan tâm những khu vực chưa có nước.

Dịch vụ lắp đặt mới cho khách hàng cần phải tiện lợi, nhanh chóng cũng như chi phí thấp nhất có thể cho khách hàng. Phải có sự kiểm soát chặt chẽ và phải ấn định thời gian cho khâu thủ tục hồ sơ cũng như thi công lắp đặt. Không gây khó khăn hay mưu cầu lợi ích riêng cho cá nhân trong việc khách hàng lắp đặt mới để nâng mức hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ, từ đó sẵn sàng chi trả cho sản phẩm do công ty cung cấp. Có biện pháp xử lý thỏa đáng đối với các hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp hành động gây cản trở cho sự phát triển của công ty.

4.4 Giải pháp nâng cao năng lực sản xuất và cải tạo hệ thống sản xuất phù hợp

Nâng cao năng lực sản xuất tại các nhà máy phù hợp với nhu cầu tiêu thụ. Thường xuyên bảo dưỡng hệ thống như sửa chữa cải tạo bể lắng và bể lọc cụm 1, cụm 2 Nhà máy nước Tây Ninh. Nâng cao khả năng làm việc của bể lắng để giảm lượng cặn bị giữ lại trên bể lọc từ đó kéo dài chu kỳ rửa lọc, tiết kiệm lượng nước rửa lọc góp phần giảm lượng nước tiêu hao, hóa chất, tiền bạc và công sức của tập thể cán bộ công nhân viên công ty.

Các trạm cấp nước còn lại thì tiếp tục nâng cao hiệu quả sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm. Ngày càng hoàn thiện hệ thống xử lý sắt và mangan nhà máy nước Bến Cầu để hệ thống hoạt động ngày càng hiệu quả hơn, tốn ít hóa chất cũng như điện năng tiêu thụ hơn. Đặc biệt trong thời gian tới cần chú trọng quan tâm nhiều hơn đến việc nâng công suất nhà máy nước khu công nghiệp Trảng Bàng vì đây là nhóm khách hàng tiêu thụ nhiều nhất nhưng chi phí đầu tư cho hệ thống là ít nhất. Việc nâng pH đến mức yêu cầu mà hóa chất tiêu thụ ít nhất có thể cũng như việc mở rộng nhà máy và khoan thêm giếng để nâng cao sản lượng sản xuất đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng là điều cấp bách trong thời gian tới đây.

Không ngừng cải tạo, vệ sinh hệ thống đường ống và chủ động ứng phó kịp

thời trước những biến động về lưu lượng và chất lượng nước thô để đảm bảo đủ lượng nước sạch cung cấp và luôn đạt tiêu chuẩn về chất lượng, cung cấp nước 24/24 cho các hộ dân.

Tiếp tục kêu gọi đầu tư từ các nguồn vốn ODA không hoàn lại hoặc vốn vay với lãi suất thấp để xây dựng nhà máy nước sạch cho thị trấn Tân Châu với công suất 1.000 m³/ngày đêm và Tân Biên để nâng cao khả năng cung cấp, phạm vi hoạt động của công ty, nâng cao doanh thu từ đó rút ngắn khoảng cách với các công ty bạn trong khu vực.

4.5 Giải pháp về chống thất thoát - thất thu nước

Công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư mở rộng nhà máy nhưng vẫn thu được sản lượng nước sạch phát ra mạng. Để tiết kiệm chi phí thông qua việc chống thất thoát nước, Công ty cần thực hiện các biện pháp như sau:

Tăng cường công tác quản lý đồng hồ nước: đầu tư mới, lựa chọn chủng loại đồng hồ đạt tiêu chuẩn cao, kiểm định ban đầu và định kỳ thay thế đồng hồ đến hạn kiểm định, tăng cường kiểm tra chống thất thoát nước qua đồng hồ.

Tận dụng mọi nguồn lực sẵn có để dò tìm thường xuyên, định kỳ thực hiện rà soát kiểm tra hệ thống mạng lưới nhanh chóng phát hiện ống nước bị rò rỉ để kịp thời khắc phục sửa chữa.

Luôn có kế hoạch kiểm tra, kiểm soát việc đấu nối bất hợp pháp cũng như thất thu sản lượng trong công tác ghi chỉ số, thu tiền nước và có biện pháp xử lý thỏa đáng.

Hàng năm công ty sẽ tiến hành xây dựng kế hoạch cải tạo mạng lưới cấp nước. Từng bước thay các tuyến ống cũ, kém chất lượng, hủy bỏ các ống không còn sử dụng được, tiến hành phân vùng, tách mạng hình thành các DMA để kiểm soát thất thoát cho từng vùng tốt hơn.

Việc cấp phép đào đường đã được rút ngắn từ 20 ngày xuống còn 5 ngày hoặc có thể thực hiện ngay (tùy theo khu vực) cho nên đối với các đối tượng nợ tiền nước mà không muốn thanh toán hoặc đấu nối bất hợp pháp phải xử lý nhanh để giảm lượng nước thất thu này.

Chuẩn bị nguồn lực về mọi mặt để dần tiến đến đầu tư các phần mềm quản lý chạy trên nền công nghệ GIS để quản lý hệ thống kỹ thuật hạ tầng, quản lý khách hàng, đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thủy lực, quản lý mạng lưới.

Các phòng ban trong công ty sẽ phối hợp với các đơn vị sản xuất để tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, cùng nhau tìm ra các phương án phù hợp với hiện trạng cấp nước từng khu vực quản lý để giảm tỷ lệ thất thoát.

Xây dựng chương trình phối hợp cộng đồng trong việc chống thất thoát nước.

4.6 Giải pháp về đầu tư phát triển

Đồng hành cùng với giải pháp chống thất thoát nước và nâng cao năng lực sản xuất cải tạo hệ thống phù hợp, công ty đề ra kế hoạch đầu tư và tiến độ thực hiện cho 03 năm sau cơ bản hóa như sau:

Dvt: triệu đồng

TT	Tên Công trình	Địa điểm thi công	Kế hoạch 2016	Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2018
<u>I/Công tác đầu tư các dự án</u>			6.000	16.000	12.000
1	Hệ thống cấp nước thị trấn Tân Châu CS 1.000 m ³ /ngày	TT Tân Châu - huyện Tân Châu	6.000	10.000	
2	Hệ thống cấp nước thị trấn Tân Biên 1.000 m ³ /ngày	TT Tân Biên - huyện Tân Biên		6.000	12.000
<u>II/Tiếp nhận dự án bàn giao</u>					360.157
1	Hệ thống cấp nước đô thị Mộc Bài - tỉnh Tây Ninh	TT Mộc Bài - huyện Bến Cầu			158.250
2	Nhà máy xử lý nước thải và mạng lưới đường ống đô thị Mộc Bài - tỉnh Tây Ninh	TT Mộc Bài - huyện Bến Cầu			201.907
3	Hệ thống đường ống dự án nâng cấp đô thị TP Tây Ninh bằng nguồn vốn WB				Chưa xác định giá trị cụ thể
<u>III/Mở rộng mạng lưới cấp nước</u>			3.839	2.318	2.712
1	TP Tây Ninh		768	464	542
2	Hòa Thành		767,8	463,6	542,4
3	Châu Thành		767,8	463,6	542,4
4	Gò Dầu		461	325	325
5	Trảng Bàng		614	278	434
6	Bến Cầu		461	325	325
<u>IV/Chống thất thoát</u>			500	500	1000
1	Các dự án phòng chống thất thoát khác (thay thế đường ống cũ, phân vùng tách mạng DMA, ...)		500	500	1000
<u>TỔNG CỘNG</u>			10.339	18.818	375.869

4.7 Giải pháp về vốn

Thực hiện các giải pháp tài chính của Công ty, đẩy nhanh công tác thu tiền nước, chủ động nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất, hạn chế vay vốn tín dụng.

Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như: đầu tư từng giai đoạn theo nhu cầu thị trường, lấy nguồn thu từ khấu hao, lợi nhuận để đầu tư phát triển, tối đa hóa công suất các công trình đầu tư.

Mở rộng quan hệ với các tổ chức tài chính, đối tác liên quan trong ngành nước và quan tâm đến sự phát triển của ngành tìm kiếm nguồn vốn tài trợ cho các dự án: cải tạo, xây dựng mới các nhà máy nước, đầu tư hệ thống mạng lưới, chống thất thoát nước... theo kế hoạch phát triển kinh doanh của công ty.

4.8 Giải pháp về nguồn nhân lực

Đánh giá năng lực cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và nhân viên, để tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý điều hành theo hướng gọn nhẹ, nhằm đảm bảo có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, kỹ sư và chuyên viên giỏi để có đủ năng lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty đạt hiệu quả cao.

Trên cơ sở kết quả đánh giá, công ty sẽ thực hiện công tác điều động, luân chuyển công tác người lao động, cán bộ quản lý để phù hợp với trình độ và tạo điều kiện phát huy hết năng lực cá nhân.

Hàng năm, thực hiện công tác đào tạo nâng cao trình độ cho người lao động và cán bộ quản lý. Đào tạo nâng cao tay nghề, nâng cao năng lực quản lý, phát huy tiềm lực sẵn có của người lao động....

Để người lao động yên tâm gắn bó lâu dài, công ty sẽ xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp cho các cán bộ, công nhân viên và quan tâm nhiều hơn đến cán bộ công nhân viên có năng lực. Bên cạnh đó, công ty cũng luôn tạo ra cơ chế linh hoạt để làm động lực cho cán bộ công nhân viên rèn luyện phấn đấu vươn lên để trở thành những cán bộ chủ chốt của công ty.

Lấy người lao động là yếu tố quan trọng trong sự phát triển của công ty, luôn đề cao việc đào tạo, bồi dưỡng và tuyển dụng đội ngũ cán bộ công nhân viên giỏi, có kinh nghiệm ở một số vị trí quan trọng.



Giải pháp về lao động

- Về chính sách lao động & đào tạo phát triển nguồn lao động
 - o Đảm bảo đủ số lượng và chất lượng lao động phù hợp với quy mô tổ chức sản xuất của công ty trong từng giai đoạn cụ thể;
 - o Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý bằng các biện pháp cụ thể: Gửi đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ tại các cơ sở đào tạo uy tín và chất lượng;

- Tổ chức đào tạo, nâng cao tay nghề của đội ngũ công nhân kỹ thuật bằng các hình thức như: Đào tạo tại chỗ và gửi đi học các trường đào tạo nghề;
 - Xây dựng tiêu chuẩn viên chức chuyên môn nghiệp vụ gắn liền với các chức danh để tuyển dụng và bố trí cán bộ;
 - Thực hiện công tác phỏng vấn trực tiếp các chuyên môn nghiệp vụ đối với các nhân viên tuyển dụng mới để có một đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm và đủ khả năng đảm đương công việc chuyên môn được giao.
 - Đưa ra các chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút những cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao, công nhân kỹ thuật lành nghề.
 - Rà soát nguồn nhân lực hiện có, sắp xếp lao động hợp lý, có kế hoạch tuyển dụng lao động có tay nghề để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tới.
- Về chính sách tiền lương
- Xây dựng tổng quỹ lương trên cơ sở năng suất lao động hợp lý;
 - Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người, có thể khoán mức lương cụ thể cho từng phòng ban, bộ phận theo nhiệm vụ được giao;
 - Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, sản xuất, biện pháp quản lý mang lại hiệu quả kinh tế cho công ty;
 - Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động: Trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ tiền lương, bảo hiểm thất nghiệp.

Giải pháp về công tác chính trị, tư tưởng, đoàn thể

Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa Chi Ủy, Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành.

Chi bộ Công ty thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành đưa ra các đường lối, chủ trương, các biện pháp, giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ Đảng viên, người lao động thực hiện đúng đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Xây dựng Đảng và các tổ chức chính trị phát triển vững mạnh.

Tăng cường giáo dục đội ngũ CBCNV phát huy truyền thống, văn hóa của công ty để đưa công ty ngày càng phát triển một cách vững chắc.

Các đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội cựu chiến binh thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành đưa ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội công ty đề ra, động viên tinh thần đối với người lao động thuộc tổ chức mình để họ phấn khởi và yên tâm thi đua

lao động sản xuất.

Phát động các phong trào thi đua trên các lĩnh vực, bộ phận nhằm động viên các bộ phận đơn vị hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng kịp thời về vật chất và tinh thần cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Có các giải pháp thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở trong công ty cổ phần.

Quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động bằng cách thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào: Thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ ...

4.9 Giải pháp tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí

Thực hành tiết kiệm chống tham nhũng, lãng phí là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế xã hội của công ty đã đề ra:

- Tuyên truyền, giáo dục, học tập Luật phòng chống tham nhũng, lãng phí theo đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước cho cán bộ, người lao động trong toàn Công ty;
- Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quá trình sản xuất, tiêu dùng đặc biệt là sử dụng nguyên nhiên vật liệu (PAC, clor, xăng, dầu..) và đặc biệt là chi phí điện năng. Chi phí điện năng là khoản mục chi phí lớn trong giá thành nước máy do đó cần phải có biện pháp tiết kiệm điện năng như:
 - o Luôn chủ trương vận hành máy bơm và các thiết bị xử lý nước vào giờ thấp điểm (trừ trường hợp thật cần thiết) để dự trữ tại các bể chứa, sau đó bơm ra mạng vào giờ cao điểm từ bể chứa để hạn chế sản lượng điện vào giờ cao điểm có giá điện cao.
 - o Thay thế các máy bơm và các thiết bị điện trong các nhà máy nước có công suất tiêu thụ điện và hao hụt điện lớn bằng các thiết bị có khả năng hoạt động tương đương nhưng tiết kiệm được nhiều năng lượng hơn.
 - o Phát động phong trào sản xuất kinh doanh có hiệu quả, giảm chi phí điện, tiết kiệm điện năng.
- Có chế độ khen thưởng xứng đáng cho những tập thể cá nhân có thành tích trong tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí;
- Đề ra các biện pháp chống tham nhũng, lãng phí như: Thực hiện kê khai tài sản đối với cán bộ Đảng viên theo quy định của Đảng và Pháp luật của Nhà nước; Giám sát việc kê khai tài sản của các đối tượng kê khai; đưa ra các quy chế quản lý tài chính, vật tư thiết bị, thanh toán tiền lương, xây dựng các định mức sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng trong sản xuất... và giám sát việc thực hiện các quy chế;
- Thường xuyên rà soát, sửa đổi bổ sung hoàn chỉnh bộ định mức giao khoán các đơn vị nội bộ.
- Các biện pháp tiết kiệm chi phí khác:

- Chống lãng phí về thời gian lao động: định mức, định biên lại các công việc tại các đơn vị, nhà máy, sử dụng trình độ người lao động phù hợp với công việc để giảm chi phí và tăng thu nhập.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bổ sung đủ nhân lực theo định hướng sử dụng lao động thời vụ, tiến hành sắp xếp cải tiến công việc, định mức lại công việc và thực hiện khoán quỹ lương cho các ban hoặc các tổ, đội thi công.
- Xây dựng quy chế về chi tiêu nội bộ, mua sắm trang thiết bị, đầu tư, xây dựng đối với các công trình do công ty đầu tư.

IX. PHƯƠNG ÁN VÀ CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

Dựa trên cơ sở nguồn lao động hiện có: Đội ngũ lao động trẻ, có trình độ chuyên môn và tay nghề phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa. Công ty đề xuất giữ nguyên lực lượng lao động hiện tại đang làm việc tại công ty trước cổ phần hóa.

Số liệu cụ thể về lao động tại thời điểm có quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá được thể hiện trong bảng dưới đây.

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần như sau:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng (%)
Tổng cộng	129	100,00
Phân theo trình độ lao động	129	100,00
- Trên đại học	0	0
- Trình độ đại học	32	24,81
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	52	40,31
- Trình độ khác	45	34,88
Phân theo loại hợp đồng lao động	129	100,00
- Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	0	0
- Hợp đồng không xác định thời hạn	126	97,67
- Hợp đồng xác định thời hạn từ 1 - 3 năm	1	0,78
- Hợp đồng thời vụ (dưới 3 tháng)	2	1,55
Phân theo giới tính	129	100,00
- Nam	99	76,74
- Nữ	30	23,26
Phân theo bộ phận chuyên môn	129	100,00
- Văn phòng Công ty	30	23,26
- Trạm Cấp nước Gò Dầu	11	8,53
- Trạm Cấp nước Trảng Bàng	10	7,75
- Trạm Cấp nước Châu Thành	10	7,75
- Trạm Cấp nước Bến Cầu	9	6,98
- Đội quản lý thi công thành phố	17	13,18

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng (%)
- Đội quản lý thi công Hòa Thành	11	8,53
- Đội quản lý chất lượng nước và chống thất thoát	6	4,65
- Nhà máy nước	25	19,37

X. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ

- + Vốn điều lệ dự kiến: **105.768.270.000** đồng (Một trăm lẻ năm tỷ bảy trăm sáu mươi tám triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng)..
- + Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
- + Số cổ phần phát hành: 10.576.827 cổ phần.

2. Cơ cấu sở hữu dự kiến trong công ty cổ phần như sau

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ/VĐL (%)
1	Cổ phần Nhà nước	5.500.000	55.000.000.000	52,00%
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo thâm niên công tác	169.300	1.693.000.000	1,60%
3	Cổ phần ưu đãi dành cho người lao động cam kết làm việc lâu dài	95.500	955.000.000	0,90%
4	Cổ phần bán đấu giá công khai	2.412.027	24.120.270.000	22,81%
5	Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	2.400.000	24.000.000.000	22,69%
	Tổng Cộng	10.576.827	105.768.270.000	100,00%

3. Trình tự chào bán

Thực hiện chào bán đấu giá công khai ra bên ngoài trước, sau đó tiến hành chào bán cho nhà đầu tư chiến lược, người lao động và công đoàn công ty.

4. Loại cổ phần và phương thức phát hành

4.1 Chào bán công khai ra bên ngoài cho các nhà đầu tư

- Số lượng cổ phần chào bán công khai: 2.412.027 cổ phần, chiếm 22,81% vốn điều lệ dự kiến của Công ty.
- Giá khởi điểm chào bán: 10.000 đồng/cổ phần.
- Thực hiện theo hình thức đấu giá công khai tại Sở giao dịch chứng khoán (đề xuất đấu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM).

4.2 Chào bán cho nhà đầu tư chiến lược

- Theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty Cổ phần thì “Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có năng lực tài chính và có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về: chuyển giao công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm”. Dựa trên quy định này, Công ty TNHH MTV Cấp nước Tây Ninh xây dựng các tiêu chí để lựa chọn nhà đầu tư chiến lược như sau.
- Là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có năng lực tài chính, và có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về:
 - + Chuyển giao công nghệ mới;
 - + Đào tạo nguồn nhân lực;
 - + Nâng cao năng lực tài chính;
 - + Quản trị doanh nghiệp;
 - + Cung ứng nguyên vật liệu;
 - + Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm;
 - + Thực hiện đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về Nhà Đầu tư chiến lược tham gia mua cổ phần.
- Số lượng cổ phần chào bán cho NĐT chiến lược: 2.400.000 cổ phần, chiếm 22,69% vốn điều lệ dự kiến của Công ty.
- Số lượng NĐT chiến lược: tối đa 3 nhà đầu tư
- Phương thức chào bán: Theo phương thức thỏa thuận trực tiếp. Phương thức thỏa thuận trực tiếp là phương thức bán cổ phần cho các nhà đầu tư chiến lược theo kết quả thương thảo giữa Ban Chỉ đạo cổ phần hóa hoặc Công ty được Ban Chỉ đạo cổ phần hóa ủy quyền với từng nhà đầu tư.
- Giá bán: không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.
- Nhà đầu tư chiến lược sẽ tiến hành nộp tiền đặt cọc vào tài khoản phong tỏa của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh. Số tiền nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc tương ứng với 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư chiến lược không được nhận lại tiền cọc.

4.3 Cổ phần bán cho người lao động trong công ty

4.3.1 Cơ sở pháp lý

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành CTCP;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

-
- Thông tư số 33/2012- TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyên doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Quyết định số 817/QĐ-BLĐTBXH ngày 28/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đính chính Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH.

4.3.2 Mục tiêu chào bán

Mục tiêu của việc chào bán cổ phần cho người lao động là nhằm gắn kết người lao động và tạo động lực của người lao động với sự phát triển của Công ty sau cổ phần hóa.

4.3.3 Cổ phần chào bán cho người lao động trong công ty theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

❖ Theo quy định tại Khoản 1, Điều 48 Nghị định số: 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyên doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là *“giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)”*

❖ Nguyên tắc xác định thời gian công tác được tính để mua cổ phần ưu đãi

Thời gian được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi là tổng thời gian (tính theo số năm đủ 12 tháng, không tính tháng lẻ) thực tế làm việc trong khu vực nhà nước của người lao động đến thời điểm công bố giá trị của doanh nghiệp. Thời gian này không bao gồm thời gian thực tế làm việc đã được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi tại doanh nghiệp cổ phần hoá trước đó; thời gian thực tế làm việc đã được tính hưởng chế độ hưu trí; thời gian thực tế làm việc đã được tính để nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.

Thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước của người lao động đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp để tính mua cổ phần với giá ưu đãi, bao gồm:

Thời gian người lao động thực tế làm việc tại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang được hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước;

Thời gian có hưởng lương từ nguồn doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, ngân sách nhà nước (thời gian đào tạo, công tác...), hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (nghỉ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp);

Thời gian làm việc theo hình thức nhận khoán sản phẩm, khối lượng công việc trong thời gian này mà doanh nghiệp 100% vốn nhà nước có trả lương và có đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của pháp luật.

❖ Nguyên tắc xác định

Nguyên tắc xác định số cổ phần người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố GTDN được mua ưu đãi.

Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố GTDN được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước.

❖ Số lượng cổ phần chào bán

Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa là: 129 người.

Tổng số lao động được mua cổ phần theo giá ưu đãi: 122 người . Số người không đủ điều kiện mua là 7 người (do chưa đủ 1 năm công tác tại khu vực Nhà nước).

Tổng số năm công tác của người lao động được mua cổ phần ưu đãi trong khu vực Nhà nước: 1.693 năm.

Số lượng cổ phần chào bán: 169.300 cổ phần, chiếm 1,60% vốn điều lệ dự kiến của Công ty cổ phần.

Giá bán cho người lao động: Bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của đợt đấu giá công khai.

4.3.4 Cổ phần chào bán cho người lao động trong công ty theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần.

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần: *Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần ưu đãi theo quy định sau: Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động. Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Đại hội công nhân viên chức của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.*

❖ Tiêu chí người lao động

Nhóm đối tượng 1: Người lao động đang làm việc tại công ty; là những chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn cao.

Yêu cầu chung: Người lao động đang làm việc tại công ty có hợp đồng

không xác định thời hạn, cam kết làm việc lâu dài cho Công ty sau khi cổ phần.

Tiêu chí đánh giá:

Đối với khối gián tiếp: thỏa mãn một trong các điều kiện sau: Ban Lãnh đạo; Chi ủy viên Chi bộ; Trưởng, Phó Phòng ban; thủ kho kiêm thủ quỹ Công ty.

Đối với khối trực tiếp: Trưởng, Phó các trạm; Quản lý xưởng; Tổ trưởng, tổ phó các bộ phận.

Ưu đãi:

Được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp cho Công ty nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động.

Giá mua là giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai

Nhóm đối tượng 2: Là người lao động đang làm việc tại công ty đảm bảo các điều kiện sau: Làm việc tại công ty từ 01 năm trở lên (tính từ ngày ký hợp đồng chính thức); có cam kết làm việc hơn 3 năm cho công ty sau khi cổ phần.

Ưu đãi:

Được mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong Công ty nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động ;

Giá mua là giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai

❖ **Số lượng cổ phần chào bán**

Số lượng cổ phần chào bán dự kiến: 95.500 cổ phần, chiếm 0,90% VDL.

Tổng số lao động được mua cổ phần theo dạng cam kết làm việc: 56 người.
Trong đó:

Tổng số năm cam kết làm việc của người lao động trong công ty được mua cổ phần theo dạng cam kết: 320 năm.

❖ **Trong đó:**

- + Tổng số năm cam kết của chuyên gia giỏi tại công ty: 105 năm, tổng số năm cam kết của nhân viên tại công ty: 215 năm.

4.3.5 Cổ phần chào bán cho công đoàn công ty

Theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 36 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP: “Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa (theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Công đoàn; không huy động, vay vốn) để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ”.

❖ **Số lượng cổ phần chào bán**

Căn cứ trên nhu cầu tình hình tài chính thực tế, Công đoàn của Công ty không đăng ký mua cổ phần ưu đãi theo công văn số 36/CV-CDCS ngày 29/9/2015 gửi đến Ban chỉ đạo cổ phần hóa.

4.4 Xử lý cổ phiếu không bán hết

4.4.1 Số lượng cổ phần không bán hết bao gồm:

Số lượng cổ phần nhà đầu tư trúng thầu trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua.

Số lượng cổ phần không được nhà đầu tư đăng ký mua theo phương án bán đấu giá công khai đã được duyệt.

Số cổ phần không được nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua.

Số lượng cổ phần người lao động từ chối mua theo phương án đã được duyệt.

4.4.2 Phương án xử lý:

Chào bán công khai tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá theo phương thức thỏa thuận trực tiếp với giá bán không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất.

Trường hợp số cổ phần không được nhà đầu tư chiến lược, người lao động trong công ty, nhà đầu tư khác mua hết theo phương án trên thì được xử lý theo quy định hiện hành (Ban Chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu).

5. Rủi ro dự kiến của đợt chào bán

5.1 Rủi ro về kinh tế

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

Những năm vừa qua, khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy thoái kinh tế đã tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam ngày càng bị giảm sút, cụ thể tăng trưởng 6,8% năm 2010, 5,9% năm 2011, 5,03% năm 2012 và năm 2013 tăng trưởng kinh tế có cao hơn một chút là 5,4%, và năm 2014 là 5,9%.

Với các tín hiệu tích cực của kinh tế vĩ mô, rủi ro kinh tế sẽ giảm bớt và hoạt động của doanh nghiệp sẽ khả quan hơn trong thời gian tới.

Hoạt động chủ yếu của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh là cấp nước sạch, một sản phẩm thuộc dạng thiết yếu cho sinh hoạt của người dân, chiếm tỷ trọng lớn so với các mục đích khác. Do đó, nhìn chung, hoạt động kinh doanh của Công ty ít bị ảnh hưởng nhiều từ rủi ro kinh tế.

Công ty hoạt động theo luật doanh nghiệp, tuy nhiên giá cả đầu ra sản phẩm do UBND tỉnh quyết định.

5.2 Rủi ro về luật pháp

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ Môi trường, ...

Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về chính sách vĩ mô của Nhà nước thay đổi dẫn tới định hướng phát triển mở rộng của Công ty có thể gặp một số khó khăn

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

5.3 Rủi ro đặc thù

Nguồn nước thô nguyên liệu đầu vào để sản xuất nước sạch được khai thác từ hồ Dầu Tiếng Tây Ninh và các mạch nước ngầm tại các huyện. Do đặc thù của tỉnh Tây Ninh có mạch nước ngầm dồi dào, chất lượng nước ngầm tương đối tốt, mực nước tĩnh thấp. Vì vậy việc khai thác nước ngầm từ các hộ dân rất dễ dàng, do đó người dân ít dùng nước máy.

5.4 Rủi ro của đợt chào bán

Đợt phát hành ra công chúng lần đầu của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh nhằm mục đích bán một phần vốn Nhà nước, trở thành Công ty Cổ phần, hoạt động sao cho có hiệu quả hơn.

Tuy nhiên trong thời điểm hiện tại và trong thời gian sắp tới, thị trường Chứng khoán chưa có dấu hiệu phục hồi. Bên cạnh đó do việc khan hiếm tiền đồng trong thanh toán nên lãi suất huy động của các Ngân hàng cũng tăng cao. Do vậy việc phát hành lần này của Công ty TNHH MTV Cấp nước Tây Ninh bị ảnh hưởng khá lớn. Giá bán phải ở mức hấp dẫn để thu hút sự tham gia, quan tâm của các nhà đầu tư.

Bên cạnh đó do hoạt động trong lĩnh vực công ích nên sự quan tâm của các nhà đầu tư đến Công ty còn chưa nhiều.

Để hạn chế rủi ro này Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh đã lựa chọn hình thức cổ phần hóa nhưng vẫn giữ nguyên phần vốn góp chi phối của Nhà nước. Vốn Nhà nước chiếm 52% vốn điều lệ của Công ty.

5.5 Rủi ro khác.

Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh.

XI. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA

1. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ phần vốn góp nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh dự kiến kế hoạch tiền thu từ cổ phần hóa và nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau: (tạm tính theo giả định tất cả số lượng cổ phần được chào bán hết và giá chào bán đầu giá công khai là 10.000 đồng/cổ phiếu)):

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Tiền thu từ CPH (a)	50.091.070.000
1.1	Tiền thu từ chào bán công khai ra bên ngoài	24.120.270.000
1.2	Tiền thu từ chào bán cho NĐT chiến lược	24.000.000.000
1.3	Tiền thu từ chào bán ưu đãi cho CBCNV theo thâm niên làm việc trong KVNN	1.015.800.000
1.4	Tiền thu từ chào bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV theo dạng cam kết làm việc lâu dài	955.000.000
2	Chi phí CPH (b)	572.360.810
3	Chi phí xử lý lao động dôi dư (c)	-
4	Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách (d) = (a) – (b) – (c)	49.518.709.190

2. Dự toán chi tiết chi phí cổ phần hóa.

Dự toán chi phí cổ phần hóa:

STT	Khoản mục chi phí	Dự toán (đồng)
A	CHI PHÍ CỔ PHẦN HÓA ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT	500.000.000
I	Chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp	106.000.000
1	Chi phí hội nghị CNVC triển khai CPH và tập huấn nghiệp vụ	20.000.000
2	Chi phí kiểm kê tài sản vật tư	26.000.000
3	Chi phí hoạt động tuyên truyền công bố thông tin về DN	20.000.000
4	Chi phí đại hội cổ đông lần đầu	40.000.000
II	Thuê tư vấn	236.000.000
1	Thuê kiểm toán tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp	160.000.000
2	Thuê tư vấn lập phương án CPH, xây dựng điều lệ	50.000.000
3	Thuê tư vấn bán cổ phần lần đầu	26.000.000
III	Thù lao Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc	108.000.000
1	Thù lao cho Ban chỉ đạo CPH	48.000.000

2	Thù lao Tổ giúp việc	60.000.000
IV	Các khoản chi phí khác liên quan đến cổ phần hóa	50.000.000
B	CHI PHÍ DỰ KIẾN PHÁT SINH	72.360.810
1	Chi phí tổ chức thực hiện đấu giá dự kiến trả Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (b)	72.360.810
	Tổng cộng	572.360.810

(a): Dự toán Chi phí Cổ phần hóa đã được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt theo công văn số 3441/UBND-KTTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

(b): Phí tổ chức đấu giá quy định của Sở Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh theo Điều 2 Thông tư 09/2014/TT-BTC ngày 16/01/2014 của Bộ Tài Chính là $0,3\% \times$ Tổng giá trị cổ phần thực tế bán được, tối đa 300 triệu đồng trong cuộc đấu giá. Tạm tính trên giá định chào bán thành công toàn bộ số cổ phần chào bán công khai với giá thành công 10.000 đồng/cổ phần.

XII. CAM KẾT

Việc đánh giá, lựa chọn thông tin và ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên các số liệu và phương án cổ phần hóa đã được duyệt của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh. Chúng tôi cung cấp thông tin với mục đích giúp nhà đầu tư có được những nhận định đúng đắn và khách quan trước khi tham dự đấu giá mua cổ phần của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tây Ninh. Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá cổ phần của Cấp thoát nước Tây Ninh.

Chúc các nhà đầu tư tham dự buổi đấu giá thành công.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Tây Ninh, ngày 12 tháng 11 năm 2015
**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TRƯỞNG BAN**



**PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN ĐƯỢC**

Tây Ninh, ngày 12 tháng 11 năm 2015
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH**

GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG


TRỊNH THÀNH NGHIÊM


TRƯƠNG THỊ BÍCH THẢO

Tp. HCM, ngày 12 tháng 11 năm 2015

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
GIÁM ĐỐC KHỞI NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ**



NGUYỄN ĐĂNG KHOA